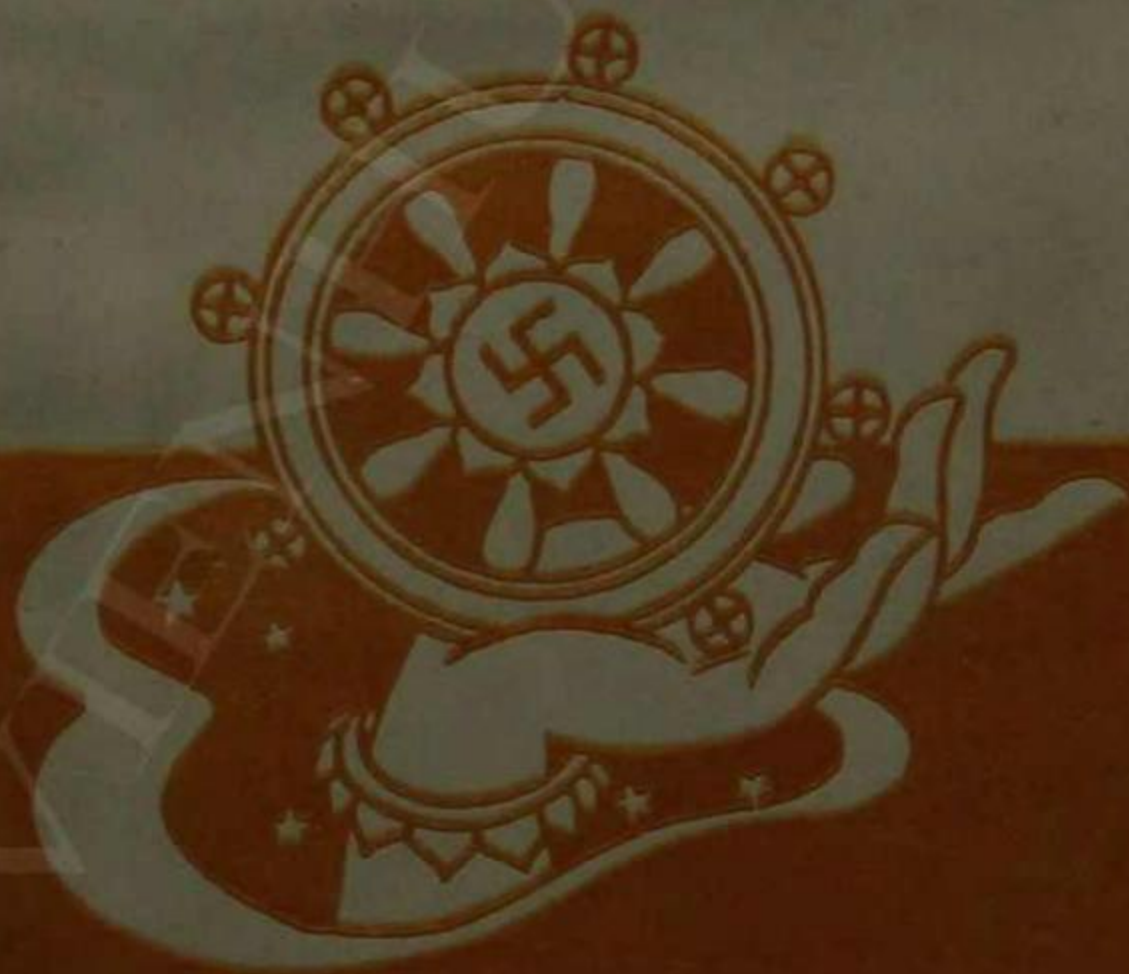


KINH-BIỂU

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

NGUYỆT-SAN



SỐ 24 RA NGÀY 15 THÁNG 8 NĂM MẬU - TUẤT



TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HỮU NGHỊ HUẾ QUANG - HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM XUẤT-BẢN

MỤC LỤC



*Nguyệt-san « Phật-giáo Việt-nam »
đầy hai tuổi*

P.G.V.N.

Năng-lực bất-diệt

của tiềm-thức

Jadigh Kasyapa

*Ngài Huyền-Trang đi Ấn-độ
thỉnh Kinh (tiếp theo)*

Dương-đình-Phúc

Thác-mác . . .

Phương-Bối

Vui đời Đạo-lý

(truyện ngắn được giải khuyến-khích)

Minh-Trâm

Tài-liệu về Gia-đình Phật-tử

Nguyễn-khắc-Tử

Đi tìm Chân-lý

Nguyễn-đức-Tương

Nữ Phật-tử Marguerite La Fuente đã viên-tịch

P.G.V.N.

Tin Tức — Kết-quả cuộc thi giải-trí — Hộp thư Tòa-soạn

PHẬT-GIÁO

VIỆT-NAM

ĐẦY HAI TUỔI

Với số 24 này, Phật-giáo Việt-nam nguyệt-san đã được hai tuổi. Ra đời giữa sự khó khăn về tài-chánh riêng trong nội bộ và chịu ảnh-hưởng của nền kinh-tế chung, Phật-giáo Việt-nam đã được nếm cái mùi «tân khổ» ngay trong tuổi ấu thơ. Cuộc đời của nó không ngờ lại khó khăn đến thế! Là con tinh-thần của Tổng-hội Phật-giáo Việt-nam, khai sinh giữa Hội-nghị Phật-giáo, được sự đỡ đầu của sáu tập đoàn đàn anh Trung, Nam, Bắc, ai cũng miêng thắm cho nó sẽ có một cuộc đời sung túc. Nhưng có lẽ số kiếp nó vất vả, nên người cha tinh-thần thường hay ốm yếu và các đàn anh đỡ đầu cũng luôn luôn bận rộn với đời sống riêng, ít có cơ hội săn sóc đến nó.

Nhưng đã được cái vinh hạnh là con đẻ của Tổng-hội Phật-giáo Việt-nam, là em đỡ đầu của các tập đoàn Phật-giáo đàn anh trong ba phần, nó phải sớm tự lập, nỗ lực xây dựng đời sống của mình sao cho khỏi thẹn mặt cha, anh. Tuy còn thơ ấu, nó đã nhận thức được sứ mệnh quan trọng của mình là phải bảo vệ, nâng đỡ người cha ốm yếu, kêu gọi sự đoàn kết chặt chẽ giữa các anh em cùng một huyết thống, một lý tưởng, nêu cao ngọn cờ Chánh-Pháp, nói lên tiếng nói thành khẩn, đứng đắn của đức Bổn-sư.



Trong sự nỗ lực để sống và hoàn thành sứ mệnh, nó đã vấp phải bao trở ngại, nhưng cũng gặt hái được bao kinh-nghiệm quý báu, biết được ai là bạn và ai là không phải bạn, ai là đồng đạo mà ai manh tâm, và điều đáng mừng hơn cả là số người hưởng ứng với công cuộc của nó mỗi ngày mỗi đông và số độc-giả mỗi ngày mỗi nhiều.

Những kết quả ấy gây thêm lòng hăng hái và ý chí tiến thủ, nên bước sang năm thứ ba, Phật-giáo Việt-nam nguyệt-san xin nguyện sẽ cố-gắng thực hiện những mục tiêu đã vạch sẵn, cải tiến nội dung và hình thức cho hợp với giai-đoạn lịch-sử của Phật-giáo Việt-nam, với căn cơ và hoài bão của độc-giả. Về phần nội điển Phật-giáo Việt nam nguyệt-san sẽ sưu tầm và phát huy những giáo-lý có thể giải đáp những băn khoăn, những nguyện vọng của con người trong hậu bán thế kỷ hai mươi, những tư tưởng Phật-giáo có thể góp phần xây dựng một nếp sống tinh-thần của người dân Việt, hiện đang bị lôi kéo giữa những trào lưu tư tưởng ngoại lai, xa cách.

Về phần văn-nghệ, Phật-giáo Việt-nam nguyệt-san sẽ mở rộng phạm-vi, dành một số trang nhiều hơn, đón nhận những ngòi bút mới, nâng đỡ những mầm non văn-nghệ căn độn cảm tình với Phật-giáo.

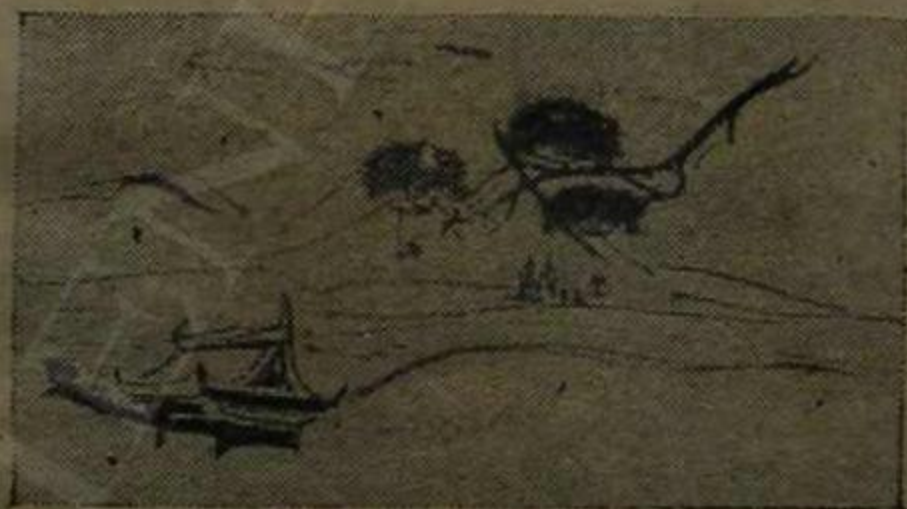
Ngoài ra, Phật-giáo Việt-nam nguyệt-san sẽ dành một mục nói về gia-đình Phật-tử, là một tổ-chức giáo-dục thanh thiếu nhi Phật-tử hiện đang lớn mạnh, nhưng lại thiếu tài-liệu và thiếu phần lý-thuyết là phần căn-bản của một phong-trào. Cũng ở trong mục này, «Phật-giáo Việt-nam nguyệt-san» hoan-hỷ đón nhận tất cả những sáng-tác văn-nghệ của toàn thể anh chị em gia-đình Phật-tử.

Sau hết — Chúng tôi muốn để dành điểm này ra sau hết vì là một điểm quan trọng, và để độc-giả chú ý — là con đề của Tổng-hội



Phật-giáo, ra đời với sứ mệnh nêu cao tinh-thần Phật-giáo thống-nhất, từ nguyệt-san này xin nguyện làm một tên quân tiên phong của mặt trận đoàn kết và thống-nhất Phật-giáo, đã phá tất cả mọi tư tưởng và hành-động chia rẽ, hoan nghinh những thiện chí và hành-động đoàn kết Phật-giáo. Bắt đầu từ số tới chúng tôi sẽ nói nhiều về vấn-đề này, sẽ phơi bày tất cả mọi khía cạnh, tìm nguyên-nhân sự đình trệ của nền thống-nhất Phật-giáo, đề nghị những phương-pháp bổ cứu, cùng hoạch định một chương-trình cụ thể, thiết thực để đi đến một đại hội của đại biểu sáu tập đoàn Phật-giáo, như đại hội của 51 đại biểu Phật-giáo toàn quốc họp ở Từ-Đàm năm 1951. Để chuẩn bị cho một Đại Hội như thế, «Phật-giáo Việt-nam nguyệt-san» hoan nghinh tất cả những ý kiến của bạn đọc, và nhất là của quý vị có thẩm quyền trong các tập đoàn Phật-giáo. «Phật-giáo Việt-nam» sẽ rất hân hoan được làm một diễn đàn tự do cho mọi ý kiến xây dựng để tiến tới sự thống-nhất thật sự của Phật-giáo Việt-nam.

P. G. V. N.



NĂNG-LỰC BẮT-DIỆT CỦA TIỀM-THỨC

của Jadhig Kasyapa

TUỆ-UYÊN dịch

CHUNG ta luôn luôn đang biết được một điều và quên đi một điều.

Ta bước trên đường, ta gặp một người, nhận biết người ấy. Đi một đoạn nữa ta quên người ấy đi, và hình bóng người ấy bị xóa mờ ở ý thức lúc đó, một vật khác, một chiếc xe hoặc một ngôi nhà chẳng hạn, làm ta chú ý, và ta thấy, biết, ý thức được chiếc xe hoặc ngôi nhà kia. Đi một đoạn nữa, ta lại quên, hình bóng của chiếc xe hoặc ngôi nhà kia cũng bị xóa mất như lần trước, dành chỗ cho những hình bóng mới.

Cho nên ý thức ta đang biết được vật này thì lãng mất vật kia, và cứ thế mãi cho đến vô cùng. Từ lúc mới sinh, cái giòng tri-giác và lãng quên ấy cứ chảy như một giòng nước không có gián-đoạn.

Chính trong lúc ta không còn thấu nhận những ấn tượng bên ngoài nữa — như khi ngủ chẳng hạn — cái giòng ấy cũng vẫn cứ tiếp-tục. Vì chính trong lúc ấy, những ấn tượng cũ lại được phát hiện và tiêu diệt không ngừng ở ý thức.

Song không phải chúng ta quên sự-vật nào cũng như sự vật nào. Một vật gì làm ta chú ý nhiều, gây được cảm giác mạnh thì ta quên chậm hơn, vì sự rung chuyển của nó vẫn còn trong trí một thời gian hơi dài.



Trái lại, một sự vật gì không làm ta chú ý nhiều, thì mới vừa cảm nhận được, ta đã quên ngay.

Trong khi đi đường nếu gặp một con voi, thì hình ảnh con voi còn rất lâu trong trí ta, và vừa đi ta vừa nhớ đến con voi mới gặp, đi một đoạn đường dài mà hình ảnh con voi chưa xóa mờ trong trí. Nếu ta gặp một người thường chẳng có gì đặc biệt thì khi bước đi quá vài bước ta đã quên ngay.

Nhưng cái ta quên không phải là mất hẳn hay bị xóa bỏ hẳn.

Dù ta quên chóng hay quên chậm những cái mà ta biết, những cái ấy vẫn còn trong tâm thức chúng ta. Ta quên, nhưng cái ảnh hình ấy không mất. Quên chỉ có nghĩa là để dành trong tâm-thức. Tâm-thức của chúng ta là một chỗ chứa đựng rộng mênh mông, ở đó tất cả các ý tưởng và ảnh tượng mà chúng ta đã có, đã tiếp nhận đều được cất kỹ. Tất cả những gì ta đã nghĩ đến, đã cảm giác, đã làm, đều còn đó.

Ta có thể làm cho các ý tưởng và hình bóng ấy phát hiện lại trên ý-thức, nếu chúng ta muốn. Vì thế tâm-thức của chúng ta có tất cả hai phần:

- 1/ Tác dụng trí-giác, cảm giác, hoạt-động trong hiện-tại.
- 2/ Tác dụng chứa đựng tất cả các tư-tưởng và cảm-giác ta đã quên.

Các nhà tâm lý học gọi tác dụng thứ nhất là ý-thức, tác dụng thứ hai là tiềm ý-thức.

x x x

Người ta thường tin rằng những gì ta nhớ là đang sinh-tồn và hoạt-động ở ý-thức, những gì ta quên là đã rơi vào tiềm-ý-thức, tiềm-phục nằm yên hoặc tiêu-diệt ở đó. Như thế là sai lầm. Thực ra, những cái ở tiềm-thức cũng đang hoạt-động và tranh đấu để mong trở lại trong ý-thức; những cái ấy hề gặp



cơ duyên thuận-tiện là phát hiện được ở ý-thức ngay. Bergson đã bảo : Tất cả những gì mà ta cảm thấy, tìm tòi, ham muốn từ hồi còn nhỏ bây giờ vẫn còn. Những cái đó đang cố trở về hiện tại, cố hợp với hiện tại để xô đẩy cái thành trì của ý-thức luôn luôn muốn ngăn cản chúng lại không cho phát khởi ở ý-thức.

Đức Phật cũng đã dạy giống hệt như vậy : Cá tính hiện tại của con người là kết quả của tất cả những gì người ấy đã hành-động, đã cảm thấy, đã suy nghĩ từ hồi vô thi.

Cá tính của một kẻ trộm cắp không giống với cá tính của một vị thánh-nhân, vì ở quá-khứ hai nhân vật đã hành-động và suy nghĩ khác nhau. Những gì ở quá-khứ không phải là đã diệt hoại, chúng vẫn sinh tồn trong hiện-tại. Hành vi và tư-tưởng quá-khứ của chúng ta luôn luôn theo dõi chúng ta « cũng giống như đường đất đi theo bước chân của cặp bò kéo xe, hay bóng đi theo hình ».

Vì thế con người hiện tại chính là do con người quá-khứ tạo nên, là một phản ảnh trung-thành của hành vi và ý nghĩ quá-khứ dồn chứa trong tâm-thức người ấy. Các hành vi ý nghĩ quá-khứ ấy có tính cách nào thì con người bây giờ có tính cách ấy. Chính đó mới đích xác là đời sống, là cá thể của một người. Chính ta tạo nên ta vậy.

Ngoài tâm-thức (gồm có ý-thức và tiềm-ý-thức) của chúng ta, không còn có một yếu tố nào khác nữa, hoặc là Hồn, hoặc là Vía.

Ta chính là tâm thức của ta vậy. Một người trong sạch là vì tâm-thức của người ấy đầy những tư-tưởng và ảnh tượng trong sạch, nếu tâm thức chứa đầy những tư-tưởng xấu-xa tội lỗi thì con người sẽ là một con người uế tạp, bất-tịnh.

Song có kẻ nghi ngờ : Nếu tất cả có kinh-nghiệm của ta, kể cả những cái nhỏ nhiệm nhất đều được dồn chứa cả trong tiềm-thức, thì làm sao ta có thể nhớ được phần lớn của tác



kinh-nghiệm ấy, mà chỉ có thể nhớ đến một ít thôi !

Chính nhờ năng-lực mạnh hay yếu của ý-thức mà ta có thể nhớ nhiều hay nhớ ít vậy. Ý-thức có năng-lực mạnh thì có thể kêu gọi các ảnh tượng ở tiềm-thức phát-sinh một cách dễ dàng. Một người có thực-hành thuyên-định, có thể làm cho ý-thức lắng lặng lại và do đó ý-thức có một năng-lực rất mạnh có thể làm tái phát các ảnh tượng ấy rất chóng. Ý-thức của kẻ thường thì xao động luôn luôn cho nên năng-lực kém.

Ý-thức được tập-trung và lắng lặng từng nào thì đối với tiềm-thức càng có năng-lực mạnh mẽ từng ấy. Đức Phật đã sử dụng toàn lực ý-thức cho nên đã có thể nhớ lại những việc của muôn ngàn kiếp trước. Như thế không có gì là lạ lùng cả. Tất cả mọi sự vật đều dồn chứa trong tiềm-thức, và nhờ ý-thức tập trung mạnh nên có thể nhớ lại hết được.

Không phải là khi chúng ta sinh ra, mới có tiềm-thức. Tiềm-thức có từ vô thủy, xa xưa, mỗi ngày mỗi phong-phú. Mỗi hình bóng, âm thanh, tư-tưởng hề rơi vào tiềm-thức là được duy trì mãi, không bao giờ mất được.

ĐẠO-ĐẾ LÀ GÌ ?...

ĐẠO-ĐẾ tức Bát-chính-đạo. (tám con đường chính)

Một là : Chính kiến (hiểu biết, tư-tưởng chân chính).

Hai là : Chính tư-duy (suy nghĩ chân chính).

Ba là : Chính ngữ (nói năng chân chính).

Bốn là : Chính nghiệp (hành-động chân chính).

Năm là : Chính mệnh (nghề sống chân chính),

Sáu là : Chính tinh-liến

Bảy là : Chính niệm (nhớ nghĩ chân chính).

Tám là : Chính định.

Tám pháp ấy thật là con đường của Thánh-nhân vậy !

NGÀI HUYỀN-TRANG ĐI ÁN-ĐỘ THỈNH KINH PHẬT

Nguyên-văn chữ Hán của **DƯƠNG-ĐÌNH-PHÚC**
NÔNG-SƠN DỊCH

(Tiếp theo số trước)

CHIẾU hôm ấy Ngài Huyền-Trang với Thạch-Bàn-Đà ra đi, canh ba mới đến bên sông Qua-Lô, xa xa đã trông thấy Ngọc-Môn-Quan, cách cửa quan về phía trên ước 10 dặm, hai bờ sông chỉ độ một trượng, trên bờ sông có mấy cây ngô-dồng thẳng vuốt; hai thầy trò mới chặt cây xuống bắc cầu, rải cỏ, đắp cát lên trên mà đi, người ngựa qua sông được bình yên, cảm thấy cao-hứng cùng ngồi trên cỏ nghỉ ngơi.

Trời sắp sáng, đột nhiên Thạch-Bàn-Đà rút dao đứng dậy, bồi hồi do dự trước mặt Ngài Huyền-Trang, Ngài biết nó sinh dị tâm, (sinh lòng phản-trắc hung tợn) nhưng Ngài không sợ, cứ ngồi ngay thẳng không đứng dậy, dương to mắt trông thẳng vào mặt nó, nó mới bỏ con dao xuống, nói với Ngài rằng : — « Đệ-tử nghỉ trên đường đi này không cỏ, nước, chỉ nơi nào phụ-cận 5 tòa Phong-hỏa-dài mới có cỏ và nước ; có một nơi nào phát được hành-tung của chúng ta, thì tính mạng chúng ta cũng vừa xong, không bằng trở về là hơn ». Ngài Huyền-Trang quyết ý không trả lời, chỉ thuận cho một mình nó trở lại Qua-Châu, nhưng nó vẫn không chịu rời chơn đi, do-dự một hồi nó mới nói :

— « Sư phụ đi đây nếu bị người ta bắt được mà cung xưng thật « họ tên tôi ra, thì vợ con, già trẻ nhà tôi ra thế nào ? ». Ngài Huyền-Trang chỉ lên trời mà thề : « Anh hãy cứ yên tâm, ví bằng không may ta « bị bắt, người ta băm vằm ta ra làm muôn mảnh, ta cũng tuyệt không « nói rõ họ tên anh ra ». Thạch-Bàn-Đà mới phóng tâm, vỗ ngựa mà đi trở về phía đông.



3/ Từ đấy trở đi, Ngài Huyền-Trang một mình đi trong sa-mạc, mênh mông bãi cát rộng lớn, trông không biết đâu là bờ, chỉ xéo lên những đống xương khô cùng phân ngựa, lạc-dà mà tiến bước. Ở trong bãi sa-mạc vì có bóng những cảnh vật ở xa chiếu đến, trong nháy mắt thường thường biến hiện thành muôn vàn hình tượng, rất nên kinh sợ, nhưng vì Ngài đi quá vất-vả, hiềm nghèo mà ý-chí lại rất cương-quyết, trong lòng chỉ nghĩ : « chết ta còn chẳng sợ, còn sợ cái gì ! » Đi được độ 80 dặm, xa xa trông thấy một tòa Phong-hỏa-dài, Ngài sợ lính canh trông thấy, mới ẩn nấp ở khe sâu, chờ đến đêm tối lại đi.

Vừa lúc xế chiều, Ngài đề ý cẩn thận, dò đến bên Phong-hỏa-dài, trông thấy có ao nước trong, mới xuống ngựa, đương lúc cúi đầu lấy cái túi bằng da để đựng nước, bỗng nghe vèo một tiếng, có mũi tên bay qua trên đầu, liền lại thấy một mũi tên nữa ở đầu bản dến, thiếu chút nữa thì trúng vào đầu gối, biết rằng hành-tung của mình đã bị bọn lính canh biết rồi, nên buộc lòng phải kêu to lên : « Xin đừng bắn tôi ! Xin đừng bắn tôi ! Tôi là Hòa-thượng ở Tràng-An đến đây ». Lũ lính canh trên đài nghe tiếng mới mở cửa ra, đưa Ngài đến hội kiến với quan Hiệu-úy là Vương-Tường ; may sao Vương-Tường cũng là người mộ đạo Phật, tra hỏi xong ; rất tôn kính Ngài, va lo cho Ngài đi về phía tây rất khó khăn, muốn mời Ngài đến Đôn-Hoàng mà cung-dưỡng. Ngài cương-quyết trả lời : « Tôi vì muốn xét tìm kinh Phật, không tiếc gì tính mạng, dù có gian-nan khốn-khò đến bực nào chẳng nữa, cũng xin chịu. Nếu quả là Hiệu-úy cương-quyết không cho đi, thì tôi tình-nguyện nhận hết hình phạt, chứ tôi quyết không lùi một bước nào về phía đông ». Vương-Tường nghe câu đó rất cảm-động, giữ Ngài lại một đêm. Đến sáng hôm sau, Vương-Tường biếu Ngài nước uống, lương khô và thân hành tiễn đưa Ngài đến ngoài 10 dặm, mách bảo Ngài rằng : « Cứ theo đường này đi, có thể đến tòa Phong-hỏa-dài thứ tư, quan Hiệu-úy giữ đài là Vương-bá-Lung, là người nhà tôi, tâm-địa lương-thiện, Ngài đến đó nói là tôi đưa Ngài đến, nhất định phải giúp đỡ Ngài ». Nói xong, hai người gạt lệ chia tay.

Đến chiều, Ngài đến được Phong-hỏa-dài thứ tư, sợ người giữ đài làm khó, bèn nghĩ lấy trộm nước rồi trốn qua. Đương khi lấy nước, không dè có một mũi tên bay qua trên đầu, lại phải vội kêu to lên như lần trước ; lính canh dẫn Ngài đến yết-kiến Vương-bá-Lung, Ngài nói rõ



đầu đuôi, Vương-bá-Lung lại biểu Ngài một túi da lớn đựng đầy nước, cùng lương khô, đồ dùng cho ngựa và dặn Ngài rằng : « Quan Hiệu-úy « đồn thứ năm tính rất hung-bạo, sợ có điều ý-ngoại (là điều ngoại sự « tưởng-tượng), nên đi đường khác, tránh qua đồn thứ năm này, đi thẳng « đến suối Dã-Mã, từ suối Dã-Mã, lại đi về phía tây là đến Mạc-Hạ- « Duyên-Tích (sông mà lòng sông có nhiều đá mọc cao), đường này dài « 800 dặm, tên là Sa-Hà (lại cũng gọi là Luru-Sa, tức là sa-mạc Qua- « Bích ngày nay, dài đến 700 hay 800 dặm), không một giọt nước, một « ngọn cỏ nào, Ngài phải muôn ngàn lần cẩn thận ».

Ngài Huyền-Trang từ biệt Vương-bá-Lung, rồi nhắm theo suối Dã-Mã và Mạc-Hạ Duyên-Tích mà đi. Ở trong sa-mạc dài 800 dặm, cả đến hình bóng chim bay, thú chạy đều không có, chỉ một mình cùng một bóng bước đi, đi trọn một ngày, trong cơn bão cát mờ mịt, lạc mất đường, không tìm được suối Dã-Mã. Mình mảy mỗi mảy như, xuống ngựa lấy túi nước ra uống vì trong lòng hoang-mang, tuột tay đánh đổ túi nước xuống bãi cát, đó là sự tồn thất lớn trong khi đi giữa bãi cát, không cách nào đến bù lại được, Ngài rất buồn rầu, nghĩ muốn trở lại tòa Phong-Hòa-Đài thứ tư để lấy nước, mới quay đầu ngựa trở lại, theo hướng đông đi được hơn 10 dặm, trong lòng nghĩ thầm : Lúc trước ta thề không đến được Ấn-Độ, quyết không lùi về đông một bước nào, thì nay thà đi về tây mà chết, chứ sao lại trở lại đông mà sống làm gì ! Lập tức quay đầu ngựa nhắm theo phía Tây thẳng tiến. Lúc ấy trông bốn bề mờ mờ mịt mịt, ở trong đêm tối, giữa sa-mạc, lập lờ một vài đống đom đóm ; trên không thì gió lốc cuốn cát bụi như cơn mưa to về mùa hè, nhưng vì ý-chí Ngài kiên-định, không chút sợ hãi, cứ như thế đi mất 4 đêm 5 ngày, một giọt nước không có ở trong cò họng, lúc trước chỉ thấy môi lưỡi khô khan, sau cảm thấy toàn thân nóng ráo, thở ra hít vào bách-xúc, đến cả mắt cũng khô-ráo không mở ra được ; con ngựa cũng cứng đờ không động đậy, người và ngựa hôn hôn mê mê, đều nằm vật ra trên hòn đá. Đến đêm thứ năm, vào khoảng nửa đêm, hốt nhiên có trận gió mát thổi đến, giống như thùng nước lạnh dội lên toàn thân, tinh-thần mới dần dần hồi phục, mắt mới mở ra được, con ngựa mới đứng lên được. Con ngựa cố sức miễn-cưỡng chạy được vài dặm đường, chợt thấy một khoảnh đất có cỏ xanh biếc, Ngài mới thực mạng chạy đến, thì thấy khoảng giữa chỗ đất cỏ đó có một giòng suối nước ngọt trong vắt, Ngài mừng rỡ quá, vội nhảy từ mình



ngựa xuống, người và ngựa cùng uống cho đến thích, rồi nằm trên cỏ ngủ suốt một ngày. Lại đi hết hai ngày nữa mới ra khỏi Mạc-Hạ Duyên-Tích dài 800 dặm đến được địa giới nước Y-Ngô.

Sau khi vào địa phận nước Y-Ngô, Ngài Huyền-Trang vào trọ ở chùa Y-Ngô, trong chùa có một vị hòa-thượng già quốc-tịch Trung-Hoa, nghe người ta nói Ngài đến nơi này, không kịp mặc y-phục chỉnh-tề, đi chân không vội chạy ra nghênh tiếp, ôm lấy Ngài nghẹn ngào chầy lệ nói rằng : «Nào ngờ ở chốn này mà gặp được người cố-hương».

4/ Ngài Huyền-Trang ở lại nước Y-Ngô hơn 10 ngày, nhận những cung-dưỡng của vua nước ấy. Khi ấy có nước Cao-Xương (tức thành Nhã-Nhĩ, phụ cận Tây-Nhã-Hồ) Thồ-Lỗ-Phồn, xứ Tân-Cương là nước láng giềng nước Y-Ngô, nghe tin có vị cao-tăng Trung-Quốc qua nước Y-Ngô, vua nước đó lập tức sai sứ-thần đến xin quốc-vương Y-Ngô đưa Ngài Huyền-Trang đến nước Cao-Xương. Ngài Huyền-Trang bản tâm định từ nước Y-Ngô theo rừng phía bắc Thiên-Sơn đến thẳng Ấn-Độ, nay lại phải đến nước Cao-Xương. Ngài cùng sứ-thần Cao-Xương đi theo hướng Tây-nam, đi trong vùng đá sỏi hết 6 ngày, xế chiều ngày thứ sáu, mới đến địa-giới Cao-Xương, quốc-vương là Khúc-văn-Thái thân hành ra khỏi cung nghênh-tiếp, hết sức kính lễ, nói rằng : «Sư-phụ một mình một bóng lặn lội qua sa-mạc, là sự rất lạ, đệ-tử từ khi «nghe đại-danh sư-phụ, vui mừng quên cả ăn ngủ. Đệ-tử tính hành-trình «biết rằng hôm nay sư-phụ có thể tới được, cho nên cả vợ con chưa dám «đi ngủ, chỉ ngồi chờ sư-phụ đến thuyết kinh». Một lúc, thấy vương-phi và các quan đại-thần đều đến bái chào. Khúc-văn-Thái cùng Ngài truyện vãn đến nửa đêm mới về cung. Đến ngày thứ hai, Ngài Huyền-Trang nằm trên giường không dậy. Khúc-văn-Thái đã đến tận bảo-trướng hỏi thăm và nói : «Đệ-tử kính mến sư-phụ, giận không được trọn đời cung-phụng, mong rằng sư-phụ đừng rời bỏ chúng tôi, để cho dân nước tôi «đều được chịu giáo-hóa của sư-phụ». Ngài Huyền-Trang nhất diện cảm tạ thịnh tình của Khúc-văn-Thái, nhất diện nói rõ chí-nguyện muốn đến Ấn-Độ của mình. Khúc-văn-Thái đã hết nhiều lời khẩn-khoan giữ lại, nhưng vì Ngài cố tình nhất định đòi đi ; đến sau cùng, Khúc-văn-Thái nghĩ đem nhiệt tình cố cầm giữ Ngài, cung-cấp, săn-sóc đủ thứ, bất luận ăn uống, áo quần, đồ dùng tí gì cũng rất chu tất. Mỗi ngày đến bữa ăn, Khúc-văn-Thái nhất định tự tay bưng mâm dâng lên, chấp tay cung kính đứng hầu một bên.



Ngài Huyền - Trang tuy cảm kích lòng thành của Khúc - văn - Thái nhưng nghĩ cứ thế này mãi thì không thể đến Ấn-Độ được, mới cương quyết nói cùng Khúc-văn-Thái : «Tôi lặn lội xa xôi, cốt là cầu lấy «kinh Phật, hiện giờ bị đại-vương ngăn giữ. Đại-vương chỉ giữ được «hài cốt tôi thôi, chứ tinh-thần ý-chí của tôi thì Đại-vương không giữ «được». Từ đấy Ngài cứ ngồi ngay, không nói năng gì, liền trong ba ngày không một giọt nước nào vào miệng, hơi thở yếu quá, thân thể dần dần không chống đỡ nổi, Khúc-văn-Thái trong lòng cảm thấy không đành ; mới cúi đầu lạy tạ. Sau cùng chỉ xin Ngài giảng cho một tháng kinh Nhân-Vương-Bát-Nhã, đồng thời xin được kết làm anh em khác họ, sẽ đề cho Ngài đi. Ngài mới thuận theo, lại ăn uống như cũ.

Một tháng sau, Ngài chuẩn bị ra đi, lúc gần đi, Khúc-văn-Thái sắm sửa các thứ cần dùng đi xa được 20 năm lại biểu Ngài 100 lạng vàng, 30.000 bạc, 500 tấm lụa, vóc, 30 con ngựa, 4 vị hòa-thượng, 25 người theo hầu ; lại viết 24 phong thư cho quốc-vương 24 nước phải đi qua, xin giúp đỡ Ngài. Ngài rất đỗi cảm tạ, viết một bài biểu «tạ Cao-Xương Quốc-vương khải» tỏ ý cảm tạ Khúc-văn-Thái. Ngày khởi hành, quốc-vương cùng quần-thần, tăng lữ và dân chúng gần cả nước tiễn đưa Ngài ra phía Tây kinh-thành, Khúc-văn-Thái cầm tay không nỡ rời, cất tiếng khóc to, ai ai cũng không ngăn được giọt lệ chờ đến khi không trông thấy bóng Ngài nữa, mới lui thủi trở về.

5/ Ngài Huyền-Trang từ nước Cao-Xương đi về phía Tây qua nước A-Kỳ-Ni (huyện Yên-Kỳ, thuộc khu tự-trị Duy-Ngô-Nhĩ, xứ Tân-Cương) quanh đường Ngân-Sơn (nay là núi Khổ-Mạc-Thập) đến nước Khuất-Chi (có tên Quy-Tư, nay là huyện Khổ-Xa, khu tự-trị Duy-Ngô Nhĩ). Lúc ấy vì có đại tuyết bao bọc khắp núi Thông-Linh, nên không đi được, Ngài phải ở lại Quy-Tư 60 ngày. Nơi ấy có vị học-giả tên gọi Mộc-Thoa-Cúc-Đa, đã du học ở Ấn-Độ 20 năm, nghiên cứu các kinh-điền, có danh-vọng, Ngài Huyền-Trang thời thường cùng ông ta thảo luận kinh Phật, ông Mộc-Thoa-Cúc-Đa nói với người ta rằng : «Vị hòa-«thượng Trung-Quốc này học thức cao rộng khó có người đối đáp với «ông ấy được nổi, sợ rằng bên Ấn-Độ vị tất có vị học giả uyên-bác nào «được như ông ấy».

Ngài Huyền-Trang từ nước Quy-Tư đi về phía Tây 60 dặm, đi qua một sa-mạc nhỏ đến nước Bát-Lộc-Già (có tên là nước Cô-Mặc, tức



là Bái-Thành và A-Khắc-Tô, thuộc khu tự-trị Duy-Ngô-Nhĩ. xứ Tân-Cương), trọ lại ở đó một đêm, lại đi về phía Tây 30 dặm, mới đến núi Lãng-Sơn thuộc Thông-Lĩnh (núi Bạt-Đạt về dãy núi Thiên-Sơn), giọc đường toàn núi cao, trên núi quanh năm có tuyết, khắp các núi đều chỉ trắng xóa một màu băng tuyết, khí-hậu giá lạnh, cả ngày chỉ có tuyết bay, đường núi có chỗ thì gập ghềnh, đá lởm chởm, có chỗ thì vách núi cao muôn trượng, Ngài phải mang bám lấy đá núi cheo leo mà dò từng bước. Trên núi không một chỗ nào khô ráo, ban ngày phải treo nôi lưng lẳng lưng chừng mà nấu cơm, tối đến thì nằm trên khối băng mà ngủ, cứ thế đi 7 ngày 7 đêm mới ra khỏi tòa núi cao đó. Những người nước Cao-Xương đi hộ-tống, có người sợ khờ sờ nửa đường bỏ trốn về, có người chết rét ở giữa núi : lừa và ngựa chết cũng nhiều, chỉ còn mấy người theo Ngài.

Ra khỏi Lãng-Sơn, lại theo giòng sông Cáp-Lạp-Thập, vượt qua núi Khách-Lạp-Côn-Luân, đến một cái hồ lớn gọi là Nhiệt-Hải (hồ Y-Tắc-Khác, thuộc nước Cộng-Hòa Cát-Nhĩ-Cát-Tur, nước Tô-Liên). Nhiệt-Hải trông rộng mênh mông không thấy bờ, nước chày xoáy, nhanh như mũi tên lao, không có gió mà sóng cao đến vài trượng. Ngài Huyền-Trang theo bờ Nhiệt-Hải đi về tây-bắc độ 500 dặm mới đến thành Tô-Điệp (Thác-Khắc-Mã-Khắc, thuộc nước Cộng-Hòa Cát-Nhĩ-Cát-Tur, Tô-Liên). Vừa gặp vua Diệp-Hộ nước Đại-Quyết đi săn ở nơi ấy, vì vua Diệp-Hộ là thân thích của Khúc-văn-Thái vua nước Cao-Xương. Ngài Huyền-Trang dâng thư giới thiệu của Khúc-văn-Thái, vua Diệp-Hộ rất cao hứng, mới sai người hộ-tống Ngài đi.

Đi qua nước Nô-Xích-Kiến (tức thành Trại-Lạt-Mục), nước Chử-Thì (Tản-Mã-Nhĩ-Hãn, thuộc nước Cộng-hòa Cát-Nhĩ-Cát-Tur, Tô-Liên), qua sông Vĩ-Thủy (sông A-Mâu) đi về phía nam 300 dặm đường núi, mới đến được núi Thiết-Môn (núi Ba-Đạt-Khác, địa phận nước A-Phú-Hãn), đường đi toàn đồi núi, rất hiểm nước và cây cỏ núi Thiết-Môn hiểm nguy quá lắm : hai bên vách đá thẳng đứng, cao đến nghìn trượng, khoảng giữa chỉ có một lối đi nhỏ hẹp quanh co, ở trên trông xuống phải choáng đầu mờ mắt, không may sảy chân rơi xuống, thân mình phải nát như cơm. Hai đầu như cửa Sơn-Môn, sắc đá giống như sắt. Ra khỏi núi Thiết-Môn liền đến nước Thờ-Hòa-La (trong địa-giới nước A-Phú-Hãn). Khi Ngài qua nước Thờ-Hòa-La đến nước Tất-



Già-Thí (thành ⁵⁷[Khách-Bồ-Nhĩ, nước A-Phú-Hãn) thì người hộ-tống của vua Diệp-Hộ đã bỏ về cả, chỉ còn một mình Ngài đến núi Phọc-Hát (xứ Ba-Khắc-Lý-Đạt-Lý, nước A-Phú-Hãn), ở tại thành Tiều-Vương-Xá, Ngài đến lễ bái di-tích đức Thích-Già Mâu-Ni ; trong khi bắt ngờ, gặp vị thiếu-niên học-giả người nước Thờ-Hỏa-La, tên là Tuệ-Tính, tình nguyện tôn Ngài làm thầy, cùng nhau đi về tây. Ngài cùng Tuệ-Tính đi về phía đông-nam, ở trên đỉnh núi cao nằm ngang lưng trời, cao ngất trên tầng mây, là núi Hy-Mã-Lạp-Nhã, một núi cao nhất thế-giới trên đỉnh nhiều tuyết, đi hơn hai nghìn dặm, chịu đủ mọi sự gian nan khổ sở. Lúc ấy Tuệ-Tính bị vua nước Thờ-Hỏa-La thỉnh về, Ngài chỉ còn biết trân trọng chia tay. Ngài lại một mình đi về đông nam 600 dặm, vượt qua Hắc-Lĩnh mới đến được địa giới Bắc Ấn-Độ (ngày nay là Bắc-bộ Khắc-Thập Mê-Nhĩ và Bàng-Già-Phồ). Từ nước Cao-Xương đi đến đã đi qua lớn nhỏ 24 quốc-gia.

6/ Nước Kiện-Đà-La thuộc Bắc Ấn-Độ (nay là Bạch-Sa-Phản, xứ Ba-Cơ-Tư-Thản) phía đông giáp Tín-Độ-Hà (Ấn-Độ hà), đô thành là Bồ-Lộ-Sa-Bố-La, có rất nhiều cồ-tích Phật-giáo. Ngài ở đó xem xét lễ bái từng nơi, rồi đem các tặng-phẩm của vua Cao-Xương cho trước như là vàng bạc, vóc lụa, y-phục chia cho các tự-viện và các tháp lớn.

Lại từ nước Kiện-Đà-La đi về đông-nam, qua vài tiểu-quốc nữa mới đến nước Già-Thấp-Di-La. — Vị-trí nước này ở phía tây núi Hy-Mã-Lạp-Nhã, thượng du sông Na-Bô và sông Xa-Lâm là chi-lưu sông Ấn-Độ, diện-tích 1.900 dặm vuông. Anh, chung quanh bao bọc toàn núi cao, là nơi phát nguyên phái Đại-thừa Phật-giáo. Ngài đến địa-phận nước đó, quốc-vương thân hành đem quân mã ra hoan-nghênh, quốc-vương tiếp kiến Ngài rồi, mời Ngài cưỡi voi lớn cùng vào đô-thành ; Ngài ở trọ chùa Am-Ra-Nhân-Đà trong đô-thành, đến xin học tập vị cao-tăng là Xưng-Lão Pháp-Sư, Chùa Am-Ra-Nhân-Đà này có 30 vạn tụng kinh điển, cộng 96 vạn câu kinh. Ngài phải dùng hết thời gian hai năm mới học thuộc và hiểu được hết lý-luận các bộ kinh đó. Đến lúc gần phải rời bỏ nơi ấy, vị Xưng-Lão Pháp-sư tuyên-bố với quần-chúng rằng : «Học-thức vị Hòa-thượng Trung-Quốc này ở nước ta thật khó tìm» «được người thứ hai».

Ngài Huyền-Trang rời khỏi nước Già-Thấp-Di-La, đi chừng 1.000 dặm và qua mấy tiểu-quốc nữa. Có một hôm, khi đi vào rừng rậm,



đột nhiên gặp lũ cường đạo chừng 50 đứa, cướp lấy hết các thứ y-phục, vàng bạc và đồ dùng mang theo, Ngài nghĩ rằng tính mạng háy còn, thì là của báu nhất chưa mất; tiền bạc, y-phục mất đi có quan-hệ gì. Ở giữa đường, Ngài được biết trước mặt, trong rừng Đại-Am-La. có vị Bà-La-Môn già là đệ-tử vị triết-học Đại-sur Mãnh-Long nước Ấn-Độ, lấy làm thích quá, bèn ngày đêm đi không nghỉ, đề đến được nơi đó, xin học tập vị Bà-La-Môn già ấy, sau một tháng mới rời khỏi rừng Đại-Am-La.

Ngài Huyền-Trang lại một mình một bóng đi hơn vài nghìn dặm gian hiểm, nguy nan, trải qua 10 quốc-gia nữa. Trong đường đi có nơi nào là địa-phương tốt, Ngài đều dừng lại đề khảo sát học tập; phàm người nào có học-vấn Ngài đều cung kính đến thỉnh-giáo.

7/ Ngài Huyền-Trang đi khắp các nước ở Bắc Ấn-Độ, rồi theo sông Hằng-Hà đi về đông. Trước hết đi đến nước Đệ-Nhược-Cúc-Am (tỉnh liên-hiệp Á-Cách-Lạp-Ô-Đức, nước Ấn-Độ), nước này phía bắc liền Ni-Bạc-Nhĩ, phía nam đến sông Na-Ba-Đạt; quốc-dô là thành Khúc-Nữ (nay là đất Ba-Lũy-Ly) ở bờ tây sông Hằng-Hà, có đến 100 ngôi chùa, tăng-lữ đến vạn người, Ngài ở chùa Bạt-Đạt-Ty, Kha-La, thành Khúc-Nữ, học tập 3 tháng, rồi lại theo sông Hằng-Hà đi về đông bắc, trong đường đi, lễ 6 đại-thánh-dịa của Phật-giáo.

Ngài Huyền-Trang rời khỏi thành Khúc-Nữ, đến nước Thất-La-Phục Tắt-Đề (có tên là nước Xá-Vệ, tỉnh liên-hiệp Sa-Lạt và Phật-Tư-Thê nước Ấn-Độ hiện nay), là nơi trường-trụ thuyết-pháp của đức Thích-Ca Mâu-Ni, người sáng thủy Phật-giáo. Cách 5, 6 dặm về phía nam thành có rừng Thệ-Đa, tức là vườn Chi-Thụ-Cấp có tiếng trên lịch-sử Phật-giáo, xưa là ngôi chùa lớn, khi Ngài đến nơi thì chùa đã đổ nát. Khi Ngài lễ rồi, đi về đông 800 dặm, đến nước Kiếp-Ty-La-Phật-Tụy-Đồ (nay là Khá-Lộc-Phồ-Nhĩ, chỗ giao-giới nước Ấn-Độ và Ni-Bạc-Nhĩ). Thành Lộ-Ty-Ni trong nước này là nơi đản-sinh đức Thích-Ca, thành Khách-Ty-Lạp-Phật-Tư-Đồ là nơi trường-dưỡng của đức Thích-Ca. Lúc ông đến các nơi ấy, chỉ thấy một đồng gạch ngói vụn, tường đổ nát, cỏ mọc rậm rạp, không thể tường tượng được.

Ngài Huyền-Trang từ nước Đạt-Kiếp-Ty-La-Phật-Tụy-Đồ khởi-hành đi về đông, qua 500 dặm rừng rậm, không bóng người; đến nước Câu-Thị-Na-Yết-La (tỉnh Liên-hiệp Cô-Thị-Nột-Gia, nước Ấn-Độ) là nơi đức Thích-Ca Mâu-Ni qua đời. Từ đây lại đi trong rừng rậm 500 dặm đến nước Ba-La-Ni-Ty (có tên là vườn Lộc-Dã, tỉnh Liên-hiệp Bắc-Nạp-



Lặc-Tư, nước Ấn-Độ), có chùa Lộc-Dã, là nơi sau khi đức Thích-Ca thành-đạo, đầu tiên đến đó thuyết-pháp cho Kiều-Trần-Như.

Ngài lễ bái ở chùa Lộc-Dã, rồi qua sông Hằng-hà đến nước Ma-Yết-Dà (tỉnh Tỳ-Cáp, đông bắc Ấn-Độ), thủ đô là Vương-Xá-Thành (Lạt-Giáp-Cách-Lý, thuộc xứ Mạnh-Gia-Lạp) trong thành có 50 ngôi chùa, 10.000 người tăng-lữ, là nơi đức Thích-Ca thuyết-pháp, lại là nơi Ngài qua đời rồi, 500 A-La-Hán kết tập Tam-Tạng lần thứ nhất ở đó. Ngài lưu lại 7 ngày, mới lại đi về Tây, luôn 6 ngày, đến được vườn Bồ-Đề-Già chùa Đạt-Đề-La-Già (nay là Già-Nhã, tỉnh Tỳ-Cáp, đông bắc Ấn-Độ). Sau khi đức Thích-Ca Mẫu-Ni xuất-gia, 6 năm khò-hạnh mới thành đạo ở gốc cây Bồ-đề đó, Ngài lễ ở đó 6 ngày rồi mới đến lưu-học ở chùa Na-Lạn-Đà.

8/ Chùa Na-Lạn-Đà, nước Ma-Yết-Da ở Trung Ấn-Độ có tên là chùa Thi-Vô-Yểm, dựng lên từ thế-kỷ thứ nhất, là ngôi chùa lớn nhất và tráng-lệ nhất nước Ấn-Độ, và là trung-tâm văn-hóa Ấn-Độ thời ấy, phàm các kinh-diễn Đại, Tiểu-Thừa, tụng tán Phệ-Đà, cùng các sách y-dược, thiên-văn, địa-lý, kỹ-nghệ đều tập-trung ở đó; chủ-trì là ông Giới-Hiền Pháp-sư, gọi là Chánh-Pháp-Tạng, đã hơn 100 tuổi, là nhà học-giả thứ nhất Ấn-Độ khi bấy giờ.

Lúc ấy tăng-chúng chùa Na-Lạn-Đà được tin Ngài Huyền-Trang đến lưu-học, mới phái 200 vị hòa-thượng cùng 1.000 người đến hoan-ngênh, trong lúc mọi người khen ngợi vây quanh hoan-hô, Ngài Huyền-Trang tiến vào chùa Na-Lạn-Đà, học-phủ tối-cao của Ấn-Độ thời bấy giờ.

Khi đã đến chùa, Ngài Huyền-Trang cùng mọi người thi lễ và lạy ông Giới-Hiền làm thầy. Ông Giới-Hiền tuổi đã già, lâu nay không giảng kinh nữa, lần này đặc cách vì Ngài Huyền-Trang giảng kinh Du-Già-Luận, giảng luôn 15 tháng mới xong. Mỗi khi khai-giảng xa gần nô nức đến nghe, có đến 3, 4 nghìn người. Chùa Na-Lạn-Đà này có tăng-đồ cả chủ khách 10.000 người, tựu-trung thông giảng được kinh luận 20 bộ có 1.000 người, thông 30 bộ có 500 người, thông 50 bộ, có cả Ngài Huyền-Trang trong đó, có 10 người, thông hiểu toàn các bộ duy có một mình Ngài Giới-Hiền — Ngài Huyền-Trang ở đấy sớm hôm không lúc nào ngơi, đề tâm nghiên-nghi suốt 5 năm, chỉ trăm-tinh đem các bộ kinh luận nghiên-cứu, tìm kiếm, đề được thông hiểu hết ý-nghĩa sâu xa; bởi thế thanh danh bác-học của Ngài lại một lần truyền khắp 5 xứ Ấn-Độ, nhưng Ngài không cho thế là vừa ý, Ngài lại từ biệt Ngài Giới-Hiền đi du-học ở Nam Ấn-Độ. (Còn tiếp)



THẮC - MẮC

Gửi các bạn thanh-niên học Phật

PHƯƠNG - BỐI

Lắm khi con người quá tham-lam, và như thế phải luôn luôn thắc-mắc lo-âu. Thích một chiếc áo đẹp, người ta tham-lam muốn cho chiếc áo ấy còn mãi không hư. Yêu một người bạn, người ta tham-lam muốn cho người bạn ấy còn hoài không mất.

Vậy tâm trạng của một người tha-thiết yêu thương là thắc-mắc mãi mãi, lo-âu không ngừng. Có thắc-mắc lo-âu, con người mới tìm cách bảo vệ giữ-gìn để cho đối tượng thương-yêu còn hoài không mất. Không có thương yêu không có tha-thiết thì không có sự sống và người ta đã quả quyết rằng thắc-mắc lo-âu là tâm-trạng cần phải có của con người biết sống.

Quan-niệm ấy chứa đầy thi-vị, nhưng xét theo Phật-học, nó cũng chứa đầy những tính-chất lãng-mạn, những chất liệu cần-thiết cho sự thực hiện lý-tưởng đối với lớp thanh-niên liêu-tư-sản ngày xưa.

Thích một chiếc áo đẹp, muốn cho chiếc áo ấy còn mãi không hư, yêu một người bạn, muốn cho người bạn ấy còn hoài không mất, cái khát khao vĩnh-viễn ấy, lòng đòi hỏi vô-biên ấy, sao ta không gọi được là một sự tham-lam? Sự tham-lam này có tính cách đại khờ và ngây thơ. Sự vật vô-thường, tất cả đều nằm trong vòng biến-chuyển. Biết rằng chiếc áo là một vật có thành có hoại, mong ước cho nó còn mãi không hư, ai bảo đó không phải là một sự đại khờ? Tha-thiết mong cho người mình thương yêu được còn hoài không mất, âu cũng như thế mà thôi.

Lòng khát khao vĩnh-viễn, ý tham-muốn vô-cùng khiến tôi nhìn đăm đăm vào đôi mắt của người tôi yêu và tôi bảo: «Anh sẽ không chết, tôi không muốn anh chết». Nhưng tôi là người đã thấy rõ luật vô-thường, biết rằng một mai kia thân chết sẽ đến bắt người yêu của tôi đem đi, đành dặt của tôi người bạn quý mà



tôi coi trọng hơn tất cả báu vật ở trên đời, tôi không thể còn quả quyết bảo rằng bạn tôi sẽ không chết. Một nỗi đau khò xé nát tâm can, tôi nắm chặt lấy tay người tôi yêu và tôi nói một cách thắm-thiết : «Anh không được phép chết đi, nhưng anh sẽ phải chết». Đau khò cho tôi biết mấy !

Tôi đã đau khò vì dám khao-khát vô-biên.

Tôi đã thắc-mắc lo-âu khi dám ao-ước vĩnh-viễn.

Khôn-ngoan hơn tôi, ngày xưa, Vạn-Hạnh thiền-sư đã viết:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Thầy Mật-Thê đã dịch :

Thân như bóng chớp chiều tà
Cỏ cây tươi tốt thu qua rụng ròi
Sá chi suy thịnh cuộc đời
Thịnh suy như giọt sương rơi đầu
cành.

Thanh-thoát thay, lời nhà đạo-sĩ ! Kẻ phàm phu nhìn cuộc thịnh-suy hưng vong với cặp mắt lo âu sợ hãi. Dưới sự trầm tĩnh điềm-đạm của bậc giác ngộ, sự thịnh suy hưng vong không còn có nghĩa, không còn làm chuyển động được một tâm-niệm vững chắc đã tránh xa sự lôi cuốn theo lục-dục thất-

linh. Thắc mắc, lo âu ? Đó là thái độ của kẻ còn chưa khôn-ngoan vậy.

Giọt sương nằm trên đầu ngọn cỏ nhắc ta đừng tham-lam, đừng ao ước sự trường tồn vĩnh-viễn của những sự vật nào không thể vĩnh-viễn trường-tồn. Quan-niệm ấy đưa ta đến một thái-độ tiêu-cực chăng ? Không. Hãy lắng nghe tiếng thơ của một tổ sư Việt-Nam triều Lý :

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền khứ
Lão từng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa tận lạc
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Dịch :

Xuân trời trăm hoa rụng
Xuân tới trăm hoa cười.
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết:
Đêm qua sân trước một cành mai
Mọi vật theo định luật vô thường,
kết hợp rồi phân ly. Tan rồi lại
hợp, hợp rồi lại tan, tuy nhiên không
bao giờ mất hẳn. Bản thể trường-
cửu của vạn tượng vượt khỏi thời-
gian vô cùng và không gian vô tận.
Xuân đến, hoa đào phô sắc. Xuân
qua, hạ đến. Rồi «sen tàn cúc lại nở
hoa» báo hiệu một mùa thu. Và nào
ai có ngờ đâu, đêm qua, dương lúc
mưa gió tơi-bời, tiết đông lạnh lẽo,
một nhành mai đã nở. Mùa nào mà



chẳng có họa. Chỉ có lòng ta không nhịp theo với bước đi của thiên-niên đầy sức sống.

Mấy vần thơ ấy đã nói với ta những gì ?

Tôi có một lý-tưởng.

Tôi thắc-mắc lo âu vì lý-tưởng ấy.

Cũng bởi vì tôi không quan-niệm lý-tưởng tôi theo lời Phật dạy, tôi đã muốn bảo-vệ đối-tượng của lý-tưởng tôi bằng tất cả tấm lòng tham lam. Tôi đã không theo lời dạy của bậc tiền bối, đã gây thơ ao-uớc sự trường tồn vĩnh-viễn của những sự vật không thể vĩnh-viễn trường-tồn.

Tôi không gây thơ nữa.

Tôi phải khôn ngoan hơn.

Tôi biết rằng sự thịnh suy không đáng làm tôi bận lòng. Một hình-thức tốt đẹp, một số lượng to tát chưa hẳn là thịnh. Một năng-lực vô-biên tiềm phục chưa hẳn là suy.

Đề tâm vào kết quả thịnh-suy còn mất, lo-âu thắc mắc vì nó, tôi đã làm một công việc vô bổ. Ở đây tôi nhận thức được tất cả vấn đề trọng-yếu của lý-tưởng : đề hết tâm ý vào công việc xây-dựng, vào công việc tạo-nhân, không lo âu thắc-mắc ở chỗ kết quả.

Nếu sau này tôi không thành-công, ấy là bởi vì việc làm vượt khỏi sức tôi.

Tôi không bảo rằng có một lực-

lượng thiêng-liêng quyết định. Sự thành bại, tôi cũng không nói rằng sự quyết-dịnh thành bại ấy không phải do tôi. Bởi vì tôi nhận thức rằng tôi là một cá nhân sống trong xã-hội. Việc xây dựng là việc chung, thành bại có phải do một mình tôi hay do một nhóm người nào chịu trách nhiệm đâu !

Tôi nghĩ rằng thành bại không phải là vấn đề quan-trọng. Quan-trọng là ở sự xây dựng. Bạn là một thanh-niên, tâm chí có thừa. Vậy bạn cần gì sự thành bại ! Có bao nhiêu nhà chí-sĩ đã chiến bại, nhưng thực ra, đã thành công đến muôn thuở và ai nữ nào đem sự thành bại mà xét giá trị của hành-vi:

« Ai đem thành bại luận anh-hùng ! »

Cho nên, giá trị là ở hành-động. Quan-hệ ở nhân, không phải ở quả. Chẳng thế mà kinh điển đã dạy : « Bô-Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả. »

Ta phải học theo các vị Bô-Tát.

Những luồng gió liên tiếp tạo nên những đợt sóng liên tiếp, những giai đoạn xây dựng kế tiếp không ngừng tạo ra những giai-đoạn hưng thịnh không ngừng. Ta chỉ cần biết có thể. Hậu quả là một thứ gì phải đến. Nếu hậu quả ấy

không như ý-nguyện của chúng ta, ấy là vì ta chưa tận-lực. Nếu ta đã tận-lực mà hậu-quả vẫn không như ý-nguyện, thì ta hãy tự bảo rằng công việc đã vượt ra ngoài sức lực chúng ta. Tuy nhiên, ta sẽ không một chút mảy-may hối tiếc.

Ta vẫn có thể tự bảo rằng: ta đã làm hết sức ta. Đó là sự thành-công lớn nhất trong đời lý-tưởng của một người thanh-niên vậy.

Thái-độ khôn-ngoaan nhất ấy, chính ta phải học ở các bậc Bồ-Tát.

Lánh xa người ác, đừng làm bạn dâm lung, chỉ nên tòng sự các bậc hiền-giả, mới mong thành người minh-đức.



Lỡ đánh chết người, tội ấy còn có thể dung thứ; dùng tâm độc âm mưu để hại người, tâm-niệm ấy rất không nên gần.



Khi tai nạn gặp rút mới biết được lòng bạn, có đánh nhau mới biết kẻ yếu, người mạnh, có luận nghị mới biết được người trí, lúc cơm thua gạo kém mới biết được người có lòng nhân.

(Kinh Hiền-Nhân)



Truyện ngắn được giải khuyến-khích

VUI ĐỜI ĐẠO-LÝ

của MINH - TRÂM

DÂY là một xóm nghèo nàn, đường đi quanh năm lầy bùn, rác rưởi chất thành từng đống cao, chỗ ruồi-muỗi lập đại bản doanh. Trời mưa xuống thì bùn lội đến mắt cá chân. Sài-gòn, «hòn ngọc Viễn-Đông», kinh-dô hoa lệ, ánh sáng chưa hề soi vào những căn nhà ảm-thấp mái lá xơ-xác, vách phen tơi tả này.

Ấy thế mà người ta vẫn sống ở đây. Có những đứa trẻ gầy còm, áo không đủ che kín bụng, ngày ngày vẫn thơ thẩn chơi bên cạnh những đống rác cao ngất, mẹ chúng còn bận đi làm thuê, làm mướn kiếm thêm tiền về nuôi gia-dình. Bố chúng thường thường là anh công-nhân, phu xích-lô, hay có khi thất-nghiệp ốm đau đang nằm rên trong một xó nhà tối tăm.

Cuộc đời ở đây chậm chạp chảy trôi. Ai nấy đều nhẫn-nại chờ đợi ngày mai tươi đẹp hơn tuy biết rằng ngày ấy còn xa lắm. Số-lương hàng tháng của anh công-nhân chỉ vừa đủ tiền ăn, còn tiền chạy xe hàng ngày, trừ thuế-má đi, anh xích-lô có dư được tới bữa chợ hôm sau, đời có thể gọi là đẹp được rồi. Nhưng biết làm sao được? Phải hy-vọng để mà sống cũng như phải có chút ánh sáng mặt trời lâu lâu lọt qua những khe lá trên mái nhà đem niềm yêu đời lại cho những người khổ-sở.

Nhà thầy Ký là một trong những căn ở đó. Cũng tường đất, mái lá chỉ khác một điều là sạch-sẽ hơn một chút với hai ba chiếc cửa sò điểm màu xanh lên cảnh vật quá tiêu điều. Hàng rào cũng gọn ghẽ hơn với những tấm phên còn nguyên màu trắng ngà của tre mới.

Ngày thầy Ký tới đây, ai cũng ngạc-nhiên. Trẻ con xúm quanh tò mò nhìn mấy chiếc va-ly tuy cũ kỹ nhưng còn vẻ sang trọng, rồi chúng



trầm-trờ ngó lên xe ba gác chở đồ đạc tới. Chiếc đi-văng nước vẹt-ni còn láng, với chiếc tủ gương, thứ đồ hãn-hữu trong xóm, tất cả đều như khoe sự khá-giả của chủ chúng.

Mà chủ chúng quả nhiên không giống anh Tư xích-lô, anh Năm nước mía, chủ chúng quần áo có xuềnh-xoàng nhưng nét mặt thật trí-thức với hai con mắt sáng trên một cái mũi thẳng và cao. «Dân thầy», người trong xóm xì xào bảo nhau, «chắc là thất thế», người khác nói thêm. Và từ đây, họ gọi người mới tới là thầy Ký tuy chưa biết anh ta làm nghề-nghiệp gì. Vợ anh, một người đàn bà còn trẻ, nước da hơi xanh, nhưng nếu trang-diễm vào «coi ngộ lắm», lối xóm bình-phâm.

Rồi lân la đã có vài đứa trẻ gần đây sang nhà thầy Ký để coi bóng mình trong gương ra sao ; mỗi lần mẹ chúng đến gọi chúng về lại nói vài ba câu chuyện với cô Ký. Cô dễ thương lắm, không có vẻ gì là khinh người. Từ bấy giờ, có việc cần đến chữ nghĩa họ lại bảo nhau qua thầy Ký. Đơn xin việc, tờ khai mất thẻ căn-cứ, giấy nào thầy Ký cũng vui lòng làm hộ mà không lấy một cái nhỏ. Hai vợ chồng mới có một đứa con, thằng Tấn sáu tuổi. Mặt nó tròn, hai mắt rất tinh. Tấn thường chơi một mình với chiếc ô-tô cũ hay chiếc xe đạp con, những đồ chơi bố mẹ nó mua cho từ hồi sung-túc. Tấn thêm chơi với lũ bạn cùng tuổi, nhưng không dám ra bãi rác sợ mẹ mắng.

Sáng hôm ấy, cô Ký đang lúi húi nấu cơm trong bếp thì Tấn chạy vào bảo mẹ :

— Có hàng cà-rem, mẹ cho Tấn năm cái.

Nhưng mẹ Tấn lắc đầu :

— Đợi ăn cơm bây giờ, mẹ hết tiền rồi.

Tấn phụng-phịu đứng một lát rồi lẳng lặng đi ra.

Mẹ Tấn nhìn theo con thờ dài, rơm rớm nước mắt. Từ ngày chồng thất nghiệp phải bán căn nhà trên phố tới ở cái xóm bần-thiu này, đã bao phen chị buồn rầu nhìn thẳng Tấn thơ thẩn chơi trước một rãnh bùn trước nhà, bên cạnh một con chó gầy còm. Chị có ngờ đâu thằng bé xinh đẹp thế lại phải chịu cảnh khổ như vậy. Mà rồi khổ hơn thế nữa chưa biết chừng.

Còn ít tiền bán nhà, ăn tiêu tới ngày hôm nay là vừa hết. Anh Ký đi kiếm việc đã nửa tháng rồi chưa được. Chị lo lắm, biết vay mượn ở đâu ? Nơi đây, người ta đều nghèo cả, thiếu một hai bữa gạo chạy quanh còn được, chứ cả tháng, chắc chẳng ai dư.



Có tiếng giầy lộp cộp phía ngoài, chị mừng rỡ ngó ra. Anh đã về. Khuôn mặt đen xạm của anh sáng lên một niềm sung sướng. Chị cũng hồi hộp hy vọng. Anh vừa cởi giầy vừa nói chuyện :

— Tới kiếm mấy chỗ họ hứa cho việc thì đi vắng cả. Chán quá định về, may sao gặp anh Nguyên, anh mách một chỗ coi kho hàng lương tháng hai ngàn. Mình vội vàng tới thì được họ nhận ngay, bắt đầu làm luôn ngày mai.

Mặt chị cũng tươi hẳn lên. Chị lẳng xẳng đi dọn cơm nước. Thằng Tấn từ ngoài chạy vào mách bố là mẹ không cho tiền ăn cà-rem.

— Có đâu kia chứ ! Chị phân trần với chồng,

Anh mỉm cười bảo con :

— Mai bố đi làm rồi mua cho con nhiều quà nhé. Tại mẹ hết tiền đấy. Vừa nói anh vừa móc túi, còn đồng bạc cuối cùng anh đưa cho Tấn bảo :

— Đưa mẹ giữ cho, lát mua bánh.

Thằng Tấn cười khanh khách bám lấy cò bố mà hôn trong khi chị Ký quay đi giấu hai giọt nước mắt đọng trên mi.

x x x

Gia-đình anh Ký từ buổi ấy càng thêm vui. Anh chỉ biết ngày hai buổi đi làm, mệt nhọc đến đâu mà trông thấy thằng Tấn vui mừng chạy ra đón là anh quên hết cả : chủ mắng, hay đường về xa xôi. Căn nhà chật chội như bưng sáng lên nhờ nụ cười đứa trẻ thơ ngây ; vì nó, anh cam chịu mọi nỗi cực khổ.

Phần chị Ký càng vui lắm. Chị đang dự tính để dành chút tiền sửa sang lại căn nhà cho sạch sẽ hơn, thay mái lá bằng mái tôn, rồi chơi hội mua máy may, may thuê kiếm thêm tiền để dành cho thằng Tấn nay mai đi học.

Biết bao nhiêu mộng đẹp nở ra dưới mái nhà sơ sài nhưng êm ấm đó. Nhưng ở đời ai tính nổi cái bất ngờ. Chỉ buổi sáng hôm ấy là bao nhiêu hy vọng của hai vợ chồng phút chốc biến ra mây khói.

Đang dọn dẹp nhà cửa, bỗng chị thấy chồng lững thững về, mặt buồn rười rượi. Biết có chuyện chẳng lành, chị bỏ vội chiếc chổi đấy, chạy ra đón.

Vào tới nhà, anh thở dài, ngồi phịch xuống ghế nói :

— Lại mất việc rồi !

Anh kè tiếp luôn, không đợi chị hỏi :

— Nó rủ mình ăn cắp hàng trong kho bán lấy tiền chia nhau thì ai mà nghe cho được. Nó thấy không ăn cánh nên kiếm có đười mình ngay, sợ mình tố giác.

Cả một trời sụp đổ trên đầu chị Ký. Chị gượng gạo hỏi chồng :

— Ai xui ? Chúng bảo anh lấy gì ?

Lão xếp chỗ tôi chứ còn ai nữa. Còn ăn cắp gì thì mình hỏi vô ích. Buổi sáng tôi đã ngạc nhiên thấy lão ta vốn làm bộ lăm mà lại mời mình đi ăn phở. Tôi đã ngờ ngay. Quả nhiên đang ăn thì lão bàn tính cách ăn cắp với mình. Tôi gạt luôn lão bèn hăm hăm đứng dậy đi ra ngay. Đến hết giờ, lão gọi mình vào bảo :

— Anh nghĩ kỹ lại đi. Không nghe tôi thì anh mất việc.

Mình cương quyết từ chối thế là lão quăng tiền trả mình.

Anh mở ví đưa chị xấp giấp bạc một ngàn, lương nửa tháng cuối cùng và nói :

— Đấy, tất cả có thể, liệu ăn tiêu để tôi đi kiếm việc khác.

Từ này vẫn ngồi im, bấy giờ chị mới bảo chồng :

— Người ta xui mình thế thì mình hãy lựa lời mà nói với người ta, chưa gì anh đã gạt phắt làm người ta bẽ mặt, chẳng trách được. Triền ơi, sao đây ải chúng tôi mãi thế này !

Giọng chị thật buồn rầu khiến người chồng tuy đang bực dọc cũng không nở gắt lên. Anh từ tốn bảo vợ :

— Mình ơi, đã bao lâu nay chúng mình sống yên ổn thế này rồi. tại sao lại đi húng lấy lo lắng vào mình ? Đừng có oán trách nữa. Em coi, cuộc đời này có nghĩa lý gì đâu. Có đó rồi không có. Chúng mình đã từng khá giả ; chớp mắt, chúng mình đã ra thế này rồi. Đã vậy mình không tự giác, để sống với cái tâm hồn thanh thản còn cứ dấn vào cái Tham làm gì ?

— Nhưng mình khổ thế này có ai thương đâu ? Giữ lòng trong sạch thì mất việc, thì con đời.

Nhắc đến con, anh liếc nhìn thằng bé đang chơi phía trước. Bất giác anh thờ dài ngẫm nghĩ. Vợ anh cũng có lý đôi phần, phải rồi, thằng bé có tội tình gì mà bắt nó phải khổ ? Một phút thoáng qua, anh hơi tiếc là đã từ chối lời lão Xếp. Ở cái xã hội giả trá lừa lọc này, kẻ thực thà tất nhiên phải khổ. Biết vậy anh cứ...



Nhưng anh lại tự mắng mình ngay. Liệu tiền bạc nhất thời ấy có bền không, có làm anh sung sướng mãi không, hay chỉ là ảo ảnh đánh lừa cái kẻ hụp lặn vào cái Tham, Sân, Si ? Đã mê muội như thế thì cái khổ đến rất mau. Điều ác không phải trả kiếp này thì kiếp sau, cứ thế cái nghiệp buộc mãi biết bao giờ gỡ cho ra ?

Anh thông thả đáp lời vợ :

— Em không còn tin ở luật nhân-quả nữa hay sao ? Mình làm ăn lương thiện còn chẳng ăn ai nữa là mấy kẻ làm ác ấy. Anh rất sợ quả báo nhân tiền cho nên vì mình, vì con, anh không dám theo họ.

— Anh gàn quá, làm thiện, mai đây, ngồi nhìn con đói mà làm thiện.

Biết vợ vì quá lo lắng mất cả bản tính ngay thẳng, anh sẵn lòng tha thứ. Anh sẽ kiếm việc khác để chứng minh cho vợ biết rằng ở hiền thế nào rồi cũng gặp lành.

Nhưng đen cho anh quá, hay là Phật Thích còn thử thách anh cho nên tới hôm ấy là hơn một tháng rồi mà anh chưa có việc làm. Tới đâu cũng hoặc là phải đợi, hoặc đủ người rồi. Uất ức nhiều phen, anh muốn đâm đầu xuống sông để khỏi phải về nhìn nét mặt khổ sở của vợ và những giọt nước mắt của con. Nhưng đến bờ sông anh lại suy nghĩ : Chết đâu có phải là hết được ? Mà còn tự gây cho mình một cái nghiệp nặng nữa, chông tới kiếp sau, càng nặng thêm. Và lại chết đi, vợ con mình vẫn khổ như thường.

Cho nên, anh lại lẳng lặng trở về.

Bữa ấy, anh về tới nhà thấy cửa đóng kín. Mới có hơn bảy giờ. Ngạc nhiên, anh sẽ bước vào. Vợ anh lên tiếng hỏi :

— Đã về đây à ? Có tìm được việc gì không ?

— Không, anh đáp sẽ. Ngủ sớm thế ?

Dưới ánh đèn vàng vọt, anh mới chợt nhìn thấy mặt thẳng Tấn đỏ dừ. Anh hốt hoảng hỏi :

— Con ốm đấy à ?

— Nó sốt từ trưa.

— Thế đã cho uống thuốc gì chưa ?

— Mới có một viên thuốc tây còn sót ở tủ. Chị buồn rầu trả lời. Cởi áo ngoài ra, anh vội vàng lại sờ trán con. Hơi nóng bốc lên ngùn ngụt. Lơ lửng anh bảo vợ lấy dầu xoa thêm và đắp kín chân



cho nó. Thằng bé trở mình nói mê làm nhảm. Cả đêm anh nằm cạnh nó. Nhưng thằng bé vẫn sốt li bì.

Mấy ngày sau, Tấn vẫn không đỡ, mặc dầu anh đã cho uống đủ thứ, thuốc ban, thuốc gió, lại cả mấy thang thuốc mua chịu của cụ lang đầu xóm. Anh ngờ nó bị thương-hàn. Bệnh này phải đi nhà thương, tốn kém lắm, mà trong nhà chẳng còn một đồng, một chữ nào. Ngồi nhìn vợ, nhất là nhìn con, thằng bé đã gầy tọp hẳn lại, chân tay bằng ống sậy, hai mắt trũng sâu, quầng thâm tím, anh lắm lúc muốn phát điên. Anh chỉ còn biết một điều là con anh sắp chết, và anh cần tiền để chữa thuốc cho nó. Một ý nghĩ thoáng qua. Hay là anh đến tìm ông Xếp điều đình lại với ông ta xin bằng lòng tất cả mọi điều kiện của ông miễn là ông cho vay trước một số tiền đưa con anh đi nhà thương. Sắp sửa gọi vợ lên trông con thì thằng bé nghe tiếng động mở mắt ra. Nó nhìn anh mặc quần áo rồi hỏi, giọng yếu ớt :

— Bố đi đâu đấy ?

— Đi lấy tiền về mua cam cho con. Con có thích ăn cam không ?

Anh còn nhớ mấy hôm trước sốt quá thằng bé nằng-nặc đòi ăn cam mà vợ chồng anh đành gạt nước mắt nhìn nhau. Sau anh phải nói dối nó đủ thứ, nó mới tạm yên. Nghe tiếng cam, mắt Tấn đang lơ mờ bỗng sáng hẳn lên :

— Bố mua đi cho con. Hôm nọ bố bảo đức Phật có nhiều cam đâu ? Bố đến xin đi. Bảo rằng con không đánh nhau với thằng Tý nữa, con ngoan rồi, Ngài cho con nhiều cam và cho cả bố mẹ nữa nhé.

Nước mắt anh bỗng trào ra. Anh nói dối dá cho qua cơn thèm của nó, ai ngờ nó nhớ dai thế : Bấy giờ biết làm sao được ?

Lúng túng anh chưa kịp trả lời thì thằng Tấn lại giục.

— Bố đi ngay đi.

Nhưng anh vẫn chần chừ chưa chịu đi. Anh thật đã thua cuộc, sắp đi bán lương tâm chẳng ? Cuộc đời gian lận đã đánh bại, dè bẹp lòng trong trắng của anh rồi chẳng ? Thật là đau xót, é chề !

— Sao, bố không đi lấy cam cho con à ? Bố không thương con nữa à ?

Anh vội vã trả lời như một cái máy.

— Đền bố đi ! Bố đi ngay đấy ! Con ngủ đi một lát rồi bố đem về.

Tấn ngoan ngoãn nhắm nghiền hai mắt lại.



Bảo với con là đi nhưng anh biết ít hy-vọng lắm. Công việc đã lỡ từ mấy tháng nay, chắc đâu người ta còn đợi mình nữa. Nhưng cứ thử đi xem sao. Bước chân anh lại đưa anh về nẻo đường quen thuộc kia. Qua một ngôi chùa, ánh đèn sáng rồi mùi hương ngào ngạt xông ra, và bao nhiêu thiện nam tín nữ đang thành khẩn tụng niệm, anh chua chát nghĩ thầm : «Phật, Thánh đâu có thấu đến nỗi khổ của mình mà xin mãi cho nhọc. Các vị ở xa quá!». Trong lúc thất vọng, anh đâm mất hết tin-tưởng. Và cứ thế anh cắm đầu rảo bước.

Bỗng anh đụng phải một người. Ngừng đầu lên nói lời xin lỗi xong, anh toan đi thì một bàn tay nắm anh lại :

— Kìa anh !

Bấy giờ anh mới nhận ra đó là một người bạn thân của anh xưa kia. Anh Giác. Nhưng anh ta sang trọng lắm với bộ quần áo đắt tiền và chiếc kính gọng vàng lấp lánh. Anh chợt ngỡ ngàng vì bộ áo cũ của mình.

— Đi đâu như người mất hồn thế ? Giác hỏi.

— Đi chạy gạo. Anh gượng cười đáp. Anh ở đâu bây giờ đề hôm nào tôi lại thăm, vội quá, phải đi ngay, xin lỗi nhé !

— Không, lâu ngày mới gặp nhau, anh phải lại chơi. Tôi ở gần đây thôi.

Rồi Giác kéo bừa anh tới một căn nhà đồ-sộ đầu phố. Giác vui vẻ hỏi thăm gia-đình anh và nhắc bao chuyện cũ. Cuối cùng Giác bảo :

— Tôi đi kiếm anh mãi đấy chứ !

— Có việc gì thế ?

— Nhờ anh trông nom hộ công việc sò sách cho mấy cửa hàng của tôi. Mấy người trước không ai làm nổi. Với lại chỉ dám giao cho người tin cần được thôi. Anh hiểu chứ ! Ở chơi ăn cơm với tôi, ta bàn tính công việc.

Nhưng anh ngần ngừ, muốn về báo tin vui cho vợ. Đang không biết làm thế nào có cơm cho con, bỗng Giác bảo :

— Anh đưa tôi về thăm chị và cháu, nhân thế cho cháu ít quà.

Khi anh và người bạn quý-hóa ấy về đến nhà thì thằng Tấn vẫn ngủ. Anh nhẹ nhàng giở mấy quả cam mọng đỏ Giác cho xếp đầy quanh nó rồi tươi cười ra tiếp khách.

Giác về rồi, vợ anh cũng từ bếp lên. Kiêu hãnh, anh bảo vợ :

— Đấy, tôi đã bảo là đi hôm nay thế nào cũng được việc mà !



Làm cho anh Giác này mình hy-vọng nhiều. Anh ta có thể giao cho mình trông nom hẳn một cửa hàng.

— Thì Phật, Thánh cũng phải doái-tưởng đến chứ. Bì đến thế này là cùng. Vợ anh hân-hoan đáp.

— Gớm, bấy giờ mới biết là có Phật, Thánh à ? Anh chế diễu vợ, Nhưng thâm tâm anh thì anh hối-hận vô cùng. Chỉ một bước nữa là anh sa vào vòng tội lỗi. Anh đã mất tin tưởng ; anh sẽ thành tên ăn cắp khốn nạn và nếu anh không bị trừng trị ngay kiếp này bởi pháp-luật của người đời thì anh cũng mang một cái nghiệp ác đến kiếp sau. Nghĩ vậy mà anh rùng mình. Anh thật là kẻ đứng trên miệng vực. Một bàn tay thần-diệu đã đẩy anh ra, đồng-thời ánh hào-quang cũng lóe trong tâm tưởng anh. Có thể đấy là ánh sáng Tuệ-Giác đã soi cho anh thấy đường đi từ nay và chư Phật đã lết từ thách anh nên đẩy cho người bạn đến giúp anh.

Vợ anh thấy anh ngồi lặng suy nghĩ, liền bảo :

— Thằng bé được cam chắc mừng lắm đấy.

Vừa lúc Tấn trở dậy. Mấy quả cam lăn lóc quanh nó. Tấn bàng hoàng dụi mắt hết nhìn bố lại nhìn mẹ, nhìn mấy quả cam mọng đỏ trên giường. Sau nó ôm chặt tất cả cam vào người như sợ chúng biến mất. Rồi nó hân-hoan hỏi :

— Của đức Phật cho đấy hả bố ?

— Ừ, của đức Phật cho đấy, con cứ ngoan thì Ngài còn cho nhiều thứ nữa, mai một bố đem về cho. Nhưng con cảm ơn Ngài đi đã. Mắt anh ướt đầm khi con anh chấp hai tay vào ngực, mắt nhắm lại thành kính, nói :

— Con cảm ơn đức Phật !

Để giúp ích các tín-đồ nhà Phật học kinh sách, cuốn **Hán Việt Tự-điển** của **Thiền-Chửu** đã tái bản, có rất nhiều danh-từ kinh sách nhà Phật.

Bán tại nhà in Hưng-Long
117, Tôn-thất-Đạm — (Chaigneau cũ).
(Gần cinema Nam-Việt)

Giá : 260đ. — Có trừ hoa hồng.



Tài-liệu

Gia-đình Phật-tử

NGUYỄN-KHẮC-TỬ

Như đã nói ở bài «Phật-Giáo Việt-Nam đầy hai tuổi», ngay từ số này, chúng tôi dành một số trang để nói về Gia-đình Phật-tử». Chúng tôi bắt đầu trích đăng tập tài-liệu «Gia-đình Phật-tử», mà một Huynh-trưởng miền Trung, anh Nguyễn - Khắc - Tử, đã có thiện-chí sưu-tầm rất công-phu và đầy đủ. Đây là một tập tài-liệu căn-bản mà một Gia-đình Phật-tử muốn thành-lập, hay một Huynh-trưởng muốn phục-vụ G.Đ.P.T. cần phải biết đến. Mặc dù đây là những tài-liệu của G.Đ.P.T. miền Trung, nhưng trừ một vài chi-tiết, những điểm chính đều có thể áp-dụng cho toàn-thể G.Đ.P.T. Việt-Nam, Chúng ta hy-vọng rằng, một ngày rất gần, sẽ có một Hội-nghị Huynh-trưởng G.Đ.P.T. toàn quốc đề san bằng những tiêu-tiết bất-đồng ấy. Dù sao thì anh chị em đoàn-viên Gia-đình Phật-tử cũng nên sung sướng và tự-hào rằng tổ-chức của mình là một tổ-chức thuần nhất, từ hình-thức cho đến tinh-thần, một tổ-chức, mặc dù còn trẻ, nhưng lại đi tiên-phong trong công cuộc xây nền thống-nhất Phật-giáo Việt-Nam.

Đó là một ưu điểm, một thắng lợi mà những tín-dồ Phật-giáo thiết-tha với sự thống-nhất Phật-giáo Việt-Nam đều tán-thán. — Vâng ! Vì sao Gia-đình Phật-tử từ lâu đã thực-hiện được sự thống-nhất dễ-dàng như thế ?

L. T. S.

LỜI NÓI ĐẦU

— Vì nặng mối tri-ân với đức Từ-Phụ đã ở tất cả và trên tất cả, đem lại ánh sáng chân-lý cho muôn loài;

— Để tỏ lòng chân-thành đối với các Vị, các Anh Chị, đã đem lại cho tôi, cũng như bao nhiêu thanh-niên khác, một đời sống rộng, sống mạnh.

— Trong lúc toàn Gia-đình Phật-tử Tổng-hội đang nao-nức chuẩn-bị «kỷ-niệm lên Mười».



Tôi tự thấy phải làm một việc gì đẽ cống-hiến vào công cuộc chung ấy. Đó là tất cả lý do đã thúc đẩy tôi, trong hội-nghị G.Đ.P.T. Tổng-hội lần thứ IV vừa qua, nhận biên tập tài-liệu này.

o o o

Về nội-dung, phần nhất nói về tổng-quát G.Đ.P.T, những điều thiết-yếu chung. Nhưng Gia-đình Phật-tử là một tổ-chức, trong một tổ-chức nên nó có cơ-quan quản-trị riêng, các cơ-quan ấy được minh-định ở phần hai. Công-cuộc quản-trị cũng như công cuộc điều-khiển đặt vào tay các Huynh-trưởng mà đời sống thể-chất cũng như tinh-thần được bộc-lộ ở phần ba. Sở-dĩ các phần trên phải có cũng chỉ vì có một tầng lớp tuổi trẻ. Các tầng-lớp ấy tùy theo tuổi tác, theo tâm-lý mà có một nếp sống riêng biệt ; đó là lý-do của phần tư. Sau hết, đã là một tổ-chức, các thể-thức không thể nào thiếu sót ; phần năm vì thế không kém phần quan-trọng. Như thế hệ-thống trình-bày theo thứ tự dưới đây :

Phần I : Gia-Đình Phật-Tử.

Phần II : Quản-Trị.

Phần III : Huynh-Trưởng.

Phần IV : Các Ngành.

Phần V : Thể-thức G.Đ.P.T.

Mỗi một phần lại chia ra từng chi-tiết đẽ các Anh, Chị liện việc tìm kiếm.

Về tinh-thần, vì muốn tránh một nội-dung khô-khan khi chép lại các điều biểu-quyết ở các hội-nghị, tôi đã thấm biển vào nó một « hương vị sống, một ý-thức hệ » hoặc bởi những kinh-nghiệm riêng, hoặc qua các trại huấn-luyện, hoặc qua sự nghiên-cứu trong sách vở...

Về tài-liệu tham-khảo, thì ngoài bản điều-lệ, bản nội-quy-chế hội, các biên-bản hội-nghị G.Đ.P.T. Tổng-hội, tôi còn sưu-tầm được các chi tiết trong :

- Các bài diễn-văn của Tổng-Trị-Sự.
 - Các thông-tư của Tổng Trị-sự có liên-hệ đến G.Đ.P.T.
 - Các tác-phẩm của anh Vô-đình-Cường.
 - Các tạp-chí Viên-Âm.
- mà tôi đã «thâu» được trong lúc hoạt-dộng.

o o o



Cuối cùng, dù rằng tập tài-liệu này đã được kết-tinh bởi bao nhiêu kinh-nghiệm và là cái quả của mười năm hoạt-động đi nữa, nó cũng không thể dừng lại nơi đây. Vì «đứng lại» trong lúc thời-gian chuyển-biến có nghĩa là thoát-bộ, thật có tội với đức Thế-lôn.

Mà tập này, theo luật nhân-quả, vừa là cái quả của quá-khứ mà cũng vừa là cái nhân cho tương-lai.

Mùa Vu-Lan 2502

Như-Tâm NGUYỄN-KHẮC-TỬ

PHẦN I : GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ.

A.- LƯỢC-SỬ GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ.

— Gia-đình Phật-tử không phải là một nơi tập luyện cho các em tụng kinh gõ mõ cho giòi dề đi cầu siêu, cầu an, hay cắm tràng phan đi đưa đám ma.

— Gia-đình Phật-tử không phải là một nơi khuyến-khích các em lãng-xao bãi vỡ ở trường để tổ-chức những trò chơi vô nghĩa, những ca xướng vô-ích.

— Gia-đình Phật-tử không phải là một tổ-chức thanh-niên có mục-dịch chính-trị hay một tổ-chức Hướng-dạo trá-hình. G.Đ.P.T. chỉ mượn một ít phương-pháp thanh-niên hay Hướng-dạo mà thôi. Còn tinh-thần thì vẫn là tinh-thần của Phật-giáo : Nghĩa là : Từ-bi, Trí-tuệ, Tinh-tần, Hoan-bỷ, Thanh-tịnh.

(Trích «*Đây Gia-Đình*»

của *Võ-Đình-Cường*)

I.- NGUYÊN-NHÂN THÀNH-LẬP :

— Đối với Đạo, nếu đạo Phật là đạo của mọi loài, mọi người thì đạo Phật cũng là Đạo của Thiếu-Nhi, đạo của tuổi trẻ. Đức Phật đã hóa-độ cho La-Hầu-La với 500 Thiếu-nhi, đã nhận lãnh sự cúng-dường của một em bé chơi đất bên vệ đường, đã thuyết Thiếu-Niên kinh cũng đủ chứng tỏ đạo Phật đã đặc biệt lưu-tâm đến tuổi trẻ.

Hội Phật - Giáo có hai tầng lớp : Hội-viên và con em của hội-viên. Phải lo xây-dựng lán-ngưỡng thuần-chánh cho hàng con



em của Hội, nhất là khi hàng con em ấy đang sống giữa một thời-dại rất phức-tạp.

Hai nguyên-nhân trên đây là hai động-cơ thúc đẩy Gia-Đình Phật-Tử ra đời.

II.- XUẤT-XỨ VÀ LỊCH-TRÌNH TIẾN-HÓA

Sau khi hưởng-ứng phong-trào tân vận-động cải-cách Phật-giáo do Ngài Thái-Hư Đại-sư chủ-trương, Hội Việt-Nam Phật-Học (lúc đó dưới danh nghĩa An-Nam Phật-Học Hội) liền nghĩ đến hàng Thanh, Thiếu-Nhi.

Từ năm 1943, do sáng-kiến của cư-sĩ Tâm-Minh, Đoàn Phật-Học Đức-Dục ra đời với mục-đích đào-tạo những thanh-niên trí-thức ưu tú đề nghiên-cứu và thực-hành giáo-lý của đức Phật. Dần dần, dưới sự hướng-dẫn của các đoàn-viên «Phật-Học Đức-Dục», những tổ-chức sau này đã ra đời.

- Thanh-niên Phật-tử.
- Hướng-đạo Phật-tử.
- Đồng-ấu Phật-tử.
- Gia-đình Phật-Hóa Phồ.

Thanh-niên Phật-tử và Hướng-đạo Phật-tử hoạt-động ở thành-thị. Đồng-ấu Phật-tử hoạt-động ở thôn-quê và Gia-đình Phật-Hóa Phồ được thành hình đề huấn-luyện những em bé trong các Gia-đình khá giả ở thành-thị.

Sau ngày hồi-cư (1947) danh hiệu Gia-đình Phật-Hóa Phồ được nêu lên, nhưng nội-dung của nó đã biến đổi khác trước. Những người sáng lập ra phong-trào mượn hình-thức Gia-Đình Phật-Hóa-Phồ đề tránh sự dèm ngó, cấm đoán của nhà đương-cuộc trong giai-đoạn chiến-tranh Việt-Pháp; thực sự thì đó là một đoàn-thề Thanh, Thiếu, Đồng-niên. Tuy thế, lối tổ-chức đang nằm trong thời-kỳ phôi-thai, rút kinh-nghiệm.

Mỗi Phồ đứng đầu là một Phồ-trưởng, các em là Phồ-viên. Phồ lấy pháp-danh của Phồ-trưởng hay tên địa-phương. Gia-đình Phật-



Hóa Phò bắt đầu có mặt tại các Tỉnh-Hội. Anh Vô-đình-Cường lãnh sứ mạng hướng-dẫn phong-trào.

Sau đó một năm, phong-trào lan ra miền Bắc và được các tập-đoàn Phật-giáo hoan-nghênh. Gia-đình Minh-Tâm tại Hà-Nội và Liên-Hoa tại Hải-phòng là hai Gia-đình đầu tiên của Bắc-Việt.

Năm 1951.— Đề thống-nhất tề-chức, Tổng-Trị-Sự triệu-tập hội-nghị vào những ngày 24-25-26 tháng 4 tại chùa Từ-Đàm Huế. Hội-nghị gồm có tám Tỉnh miền Trung và đại-diện G.Đ.P.T. Bắc-Việt. Hội-nghị thêm một lần nữa thay đổi danh hiệu : «GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ». Bản Nội-Quy-Trình cũng được hội-nghị này vạch ra.

Năm 1953.— Đặc-biệt của hội-nghị này là tiếng nói Bắc-Nam-Trung đã vang dội với sự tham-dự của 63 đại-biêu, đại-diện cho ba phần. Hội-nghị nhằm mục tiêu chính là tìm phương-pháp «cải thiện đời sống G. Đ. P. T.» với ba khẩu hiệu :

— Đạo trong đời, đời trong đạo.

— Lý-thuyết cho thực-hành, thực-hành cho lý-thuyết.

— Áp-dụng đúng thời và hợp thế.

Lời chân-thành thống-thiết của anh Trưởng-ban Hướng-dẫn Tổng-hội... « Vì lý-tưởng cao cả của G.Đ.P.T., chúng ta sẽ không từ chối một gian lao khò ải nào hết. Dưới tay chúng ta hiện nay đang có từng ngàn, rồi đây, từng vạn em mà phụ-huynh giao phó cho chúng ta uốn-nắn, che chở, vun xới. Những phần-tử ưu-tú của giới Phật-tử và xứ sở đang phó thác cuộc đời cho chúng ta diu dắt. Chúng ta phải làm thế nào cho xứng đáng với sứ-mệnh ấy... » đã đưa đến kết quả : chỉ trong thời gian 4 ngày (1-2-3-4 tháng 1 năm 1951). Hội-nghị đã vạch xong chương-trình học tập cho các Ngành, một công trình khá vĩ-đại cần ghi nhớ.

Lời kêu gọi thống-nhất Trung-Nam-Bắc cũng đã được khơi nguồn từ hội-nghị này.

Năm 1955.— Đại hội lần thứ III tại chùa Linh-Sơn Đà-Lạt, từ 31/7 đến 3/8/58. Lần này, một số đông đảo đại-biêu các Tỉnh Nam-Việt về cùng chung gánh vác đúng như lời anh T.B.H.D. Nam-Việt



tuỳen-bố : «Nói giải quyết là nói kiến tạo. Trong hiện trạng ngày nay, đề cập đến một vấn đề quan hệ đến Phật-giáo toàn quốc, chúng ta không thể không nhận rằng hiện thời chỉ có các tập đoàn P.G. chúng ta là phải xử lý, đảm đưng, phải tác động lấy theo hệ-thống của Tổng-hội Phật-Giáo Việt-Nam. Do đó, đại-biểu tập đoàn chúng tôi đến với quý Hội là đến với cái tinh-thần con chung một nhà, với trách-nhiệm kề vai sát cánh vào một sứ mệnh hoằng-đạo mà quý Hội luôn luôn tỏ ra xứng đáng trong việc khởi xướng liên-phong...»

Nhìn vào hội-nghị, phải công nhận G.Đ. đang tiến mạnh và bắt đầu lan tràn đến miền thôn quê. Các kinh-nghiệm đồ đôn về và đòi hỏi một sự chấn-chỉnh hình-thức và một nếp sống cho Huỳnh-Trưởng được thiết-lập để đạt mức tu học cho hàng Huỳnh-Trưởng. Ý chí thống-nhất ba phần lại được 17 đơn vị Tỉnh-hội G.Đ.P.T. Trung-Nam thiết-tha biểu lộ qua bản kiến-nghị dâng lên Ban Quản-Trị Trung-Ương Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam.

Năm 1956.- Hai cuộc họp bạn mang tên A-Dục được tổ-chức, một tại Phan-Thiết vào những ngày 8-9-10 và 11 cho các tỉnh miền Nam T.V. và một tại Đà-Nẵng vào những ngày 22-23-24 và 25 tháng 9 cho những tỉnh miền Bắc T.V. Trọng tâm của Hội bạn là kiểm điểm việc thi hành biên-bản hội-nghị Đà-Lạt, học tập tôn chỉ, mục-đích của Hội và thảo-luận đề án «Đời sống người Huỳnh-Trưởng». Ngoài ra, cuộc họp bạn Huỳnh-Trưởng này còn kiểm-tra được số lượng mà con số đã lên đến 108 G.Đ, 729 H.T, và 9.477 đoàn sinh.

Năm 1958.- Sau khi danh-hiệu chính của Hội : «Hội Phật-Giáo Việt-nam tại Trung-phần» được công bố, sau khi bản Điều-lệ và bản Nội-quy-chế Hội (trong đó có Nội-quy-chế G.Đ) được ban hành vào năm 1957, nhiều sự vấp vấp, nhiều trở ngại đã gặp phải trong lúc thi hành (nhất là Nội-quy-chế H.T.) nên Tổng-Hội-đồng lần thứ XXVI đã quyết định triệu tập Hội-nghị G.Đ.P.T. để kiểm điểm theo kinh nghiệm đã thu-hoạch được ở địa-phương. Tuy rằng thời-gian Hội-nghị chỉ vồn vẹn 3 hôm (3-4-5/8/58), với 50 đại-biểu đại-diện cho 366 đơn-vị. G.Đ, 2.175 H.T. và 21.561 đoàn-sinh của 12 Tỉnh-hội dưới sự điều dắt của quý Thầy trong Tổng-Hội, với sự nhiệt thành của Ban H.D. Tổng-Hội, Hội nghị đã đem hết tâm lực làm tròn sứ-mạng của Hội giao phó cho các tầng lớp G.Đ. thiết tha mong ước : điều chỉnh nội quy chế.



Một phần lớn sự thành công là do lời kêu gọi sau đây của Tổng-Hội P.G. tại trung phần trong bài diễn-văn khai-mạc Hội-nghị : «Chúng ta, những tầng lớp Hội-điền và con em của Hội-viên Hội Phật-giáo Việt-Nam tại Trung-Phần phải xiết chặt tay nhau tạo thành hàng rào bao bọc lấy CHÁNH-PHÁP, Hội-nghị này cũng cũng là một trong những khả năng thật chặt sự xiết tay ấy...»

(Sẽ tiếp)

GIÁ BÁO DÀI HẠN

— 0 —

3 tháng	30đ.00
6 tháng	55đ.00
1 năm	110đ.00

Giá lẻ mỗi số 10 đồng. Hiện Tòa-soạn còn đầy đủ từ số 1 đến số 23.

Từ số 1 đến số 12 đóng thành tập, bìa cứng, chữ mạ vàng giá 140 đồng (ở xa trả thêm 20 đồng cước phí).

Thư từ, bài vở xin gửi về Tòa-soạn: **243 Đường Sư Vạn-Hạnh Cholon.**

Ngân-phiếu, đề tên: **Nguyễn-văn-Nhã Quản-lý.**



Một ngôi chùa bằng đá hoa ở Thái-Lan. Vào trong chùa, du-khách sẽ được thấy những bức tượng Phật bằng đồng và bằng đá mỹ thuật nhất thế-giới.

ĐI TÌM CHÂN - LÝ

Nguyễn - Đức - Tương

Đây là một bài dự thi văn chương do bản san tờ-chức; nó có thể được liệt vào hạng những bài có giá trị, nhưng rất tiếc nó đã đến trễ quá hạn nộp bài, nên chúng tôi buộc lòng phải để vào loại bất hợp lệ. Đề an-ủi tác-giả, và giới-thiệu với quý-vị độc-giả một tác phẩm có ý nghĩa, diễn-tả với một ngòi bút điêu luyện, chúng tôi đăng tải bài «Đi tìm chân-lý» sau đây.

L. T. S.



Ngày xưa có một chàng trai trẻ mang nhiều tâm-sự u-uất về cuộc đời, một sớm lên đường đi tìm Sự-thực.

Anh nghe nói ở một ngôi đền nọ có một vị đạo-sĩ chân tu, luyện được nhiều phép nhiệm-mầu, thông đạt được nhiều lẽ tinh-vi, huyền-diệu của vũ-trụ, bèn quyết tìm đến cầu học. Đường đi muôn nỗi khó khăn nhưng chí người sắt đá nên không hề hiềm nghèo. Từ chân trời, một hôm đền Thiêng đã lồ-lộ hiện ra, uy nghi, rạng rỡ. Lòng người trai trẻ bừng rộn lên bao nỗi hân-hoan.

Anh tìm đến biệt-phòng của đạo-sĩ, quỳ dưới chân người: «Thưa Thầy, kẻ hèn này vốn từng ngưỡng mộ uy danh của Thầy, tin tưởng ở phép mầu-nhiệm của đạo, nên từ xa xôi muôn dặm đến đây để cầu mong Thầy chỉ cho con đường đi tìm Chân-lý».

Đạo-sĩ bảo rằng:

— Cửa đền không hẹp đối với một ai, lòng đền cũng rộng chứa mọi người. Con đường Chân-lý xuất phát từ đền Thiêng, ấy là vì Sự-thực phải



bắt đầu tìm thấy bằng sự yên-tĩnh của tâm hồn, bằng lòng kính cần, tin yêu của trí - tuệ. Từ đây đến chót đèn, con đường chia làm ba bậc : Bậc thứ nhất của sự khò - hạnh, bậc thứ nhì của lòng vô - tư, bậc thứ ba của tình nhân - ái. Ba bậc ấy dạy rằng : Không dầy công chịu khổ nhọc để biết rõ cuộc đời, không rút bỏ được ý riêng tư để khách - quan nhìn xét sự vật, không thiết-tha vì lòng thương người mà đòi hỏi Sự-thực, thì không bao giờ có thể tìm thấy Sự - thực. Sự - thực hay Chân - lý là của mọi người, nhưng phải tìm đến bằng con đường ba bậc ấy».

Người trai trẻ cảm thấy vui mừng khôn xiết vội hỏi :

— Thưa Thầy, vậy Chân-lý hiện ở trên chót đèn ?

Đạo-sĩ ôn-tồn bảo :

— Chính thế. Ta biết chắc rằng ở cuối cùng của ba bậc, trên chót vót của đèn Thiêng là tượng thần Chân - lý. Tượng ấy hình dáng thế nào ta cũng chưa biết được, vì ta mới đi khỏi con đường khò - hạnh và xong bậc vô-tư. Khó nhất là bậc thứ hai này vì gạt bỏ được những tư-ý là điều hết sức nhọc nhằn đối với mỗi người chúng ta. Còn qua một đoạn đường cuối cùng, đoạn đường nhân-ái, là ta sẽ thấy muôn vẻ huy-hoàng của Chân-lý, nhưng con đường nhân-ái khá gần mà cũng khá xa, bởi vì con người thường lăm lặc lòng yêu mình với lòng yêu kẻ khác, nên chỉ có ba mươi bước nữa mà ta vẫn còn lăm lặc.

Đạo-sĩ lại tiếp :

— Hiện nay trong đèn có vô số người tìm học. Có kẻ đã xong bậc thứ nhất, có kẻ đang bước lên bậc thứ nhì, có kẻ đang loay-hoay khỏi sự từ đầu, và biết bao kẻ đã thối lui, trở về, từ-chối tìm hiểu Sự-thực vì lòng họ không đủ thiết - tha để chịu đựng bao nhiêu thử - thách. Cửa đèn vẫn luôn luôn rộng mở, con hãy tìm lối mà đi.

Từ đây người trai trẻ bắt đầu học tập. Anh bước lên con đường khò - hạnh để cảm - thông nỗi khổ của người đời. Từ đây, đối với anh, cảnh-sắc chung quanh đã có phần thay đổi. Tiếng khóc lời reo, nước mắt và nụ cười cũng đượm vẻ khác lạ hơn xưa. Anh không tiếp xúc sự-vật bằng sự hời-hợt của não tủy. Anh thấy được bề rộng, bề sâu và cả bề cao của mỗi âm-thanh mỗi ngày tưởng như gần-gũi thêm được với loài người.

Nhưng mỗi sớm nhìn lên đỉnh đèn chót vót anh cảm thấy đường đi quá sức xa vời. Lòng anh không định nên con đường ba bậc kia tuy ngắn

mà hóa dài vô-tận. Anh ngắm những bức tường ngăn cách, những bậc cấp cheo leo và muốn rút ngắn đoạn đường. Một hôm, anh bỗng nảy ra một ý.

Nhân một đêm trăng lạnh, anh dùng dây leo tường.

Vốn từ nhỏ đã quen luyện-tập, nên anh không mất bao nhiêu công phu để vượt khỏi những bức tường dày lờm chờm, cheo leo. Càng lên cao, nhìn xuống trở lại, anh thấy mình đã làm được một kỳ-công. Khi lên đến chót vót đèn thì trăng đã về khuya, rọi dài bóng anh trên vách đá như một người to lớn dị thường; anh tự thấy mình xa cách hẳn loài người và cao hơn mọi vật. Anh tự nhủ: «Đi tìm Sự-thực không phải chỉ có một con đường ba bậc. Với óc thông-minh, với lòng dũng-cảm, với trí quyết-đoán, ta vẫn tìm được Chân-lý mau chóng hơn mọi người».

Rồi anh bước vào đền, nơi đặt tượng thần Chân-lý. Anh đi giữa đêm khuya, trên chốn thượng tầng im - lặng, dọc theo các dãy hành - lang hun-hút gió lạnh, chỉ thấy bóng mình lúi thúi bên cạnh và chỉ nghe chân mình dội vang trên sân đèn gây nên những âm-hưởng dị kỳ.

Anh đi lẫn vào trong, cảm thấy trong mỗi bước đi sự tịch - mịch càng nặng - nề. Khi mảnh trăng khuya đã khuất hẳn ngoài đèn, anh thấy rúng động, nhưng lòng kiêu-hãnh về cái kỳ-công của mình lại khiến anh cố dẹp hết lo-âu. Anh tự nhủ: «Bây giờ chỉ còn mình ta và Sự-thực».

Tượng thần Chân-lý ở sau cánh cửa kia. Anh lại gần, thu hết can-đảm để xô cửa. Bỗng anh rú lên, ôm lấy mặt, và như một người bị xác chết vây đuôi, anh hoảng - hốt chạy ra khỏi đền, luống cuống húc đầu vào các cột đá, vấp trên bậc cửa, ngã trên nền gạch, nhưng sự kinh-hoàng quá độ khiến anh cố-gắng tìm cách thoát thân.

Anh bám vào tường, tìm dây leo, vội - vàng tuột xuống. Nhưng vì vội-vàng, anh rơi từ trên vách cao xuống dưới chân đèn.

Sáng hôm sau, dưới chân đèn, người ta tìm thấy xác anh đã cứng lạnh, nét mặt vẫn còn co-rúm lại trong một vẻ hãi-hùng tột-độ.

Vị đạo-sĩ trầm ngâm đứng nhìn xác anh, rồi quay bảo học trò:

— «Đây là một kẻ đã không muốn tìm Sự-thực bằng chính - đạo. Y đã đi theo con đường tà-đạo vì y cho rằng con đường ấy mau chóng hơn và chỉ có tài-năng của y mới giúp y tới được. Y quên rằng cái tâm của y mới là chính yếu trong sự tìm kiếm Chân-lý này.»



Khi cái tâm đã chính thì tài-năng sẽ là những chiến - công, những thành-tích rõ-ràng. Khi cái tâm đã tà thì tài - năng chỉ là những thủ-đoạn, những mưu-mô hèn-hạ. Kết quả mà y tìm thấy là một Sự-thực gớm-ghiếc đã làm y khùng - khiếp đến nỗi phải hủy diệt đời mình. Các con hãy ghi nhớ : Sự-thực tốt đẹp, Sự - thực an-ủi và nâng cao được lòng người chỉ có thể đi đến con đường ba bậc : con đường khổ - hạnh, con đường vô-tư và con đường nhân-ái. Kẻ nào không đi bằng ngã ấy mà muốn dùng mưu-mô thủ - đoạn, dàn-áp lừa-phỉnh thì không phải chỉ một cá-nhân mà cho đến một chế-độ cũng phải bị hủy - diệt thảm khốc».

Đạo-sĩ ngừng lại giây-lát rồi ôn-tồn nói tiếp :

— «Từ lâu ta đã nhắc các con điều đó, bây giờ đây là chúng có hiện nhiên. Các con hãy đem chôn xác y ở trước cửa đền, đồng thời tạc trên mộ y cái nét mặt kinh-hoàng, khùng-khiếp của một kẻ đã tìm gặp Sự-thực bằng con đường phản chính - đạo, để làm gương cho bao nhiêu kẻ khác».

Ông Thuần-Đà thỉnh Phật

Đến thành Ba-Ba, đức Phật cùng chúng Tăng nghỉ tại khu vườn của ông Thuần-Đà.

Ông Thuần-Đà cùng đồng loại nghe biết đến lễ Phật và thỉnh vấn việc Phật đến đây. Phật dạy :

«Tôi sắp nhập Niết-bàn, nên tôi muốn tới đây tương-kiến.»

Ông Thuần-Đà cùng mọi người nghe vậy buồn rầu kêu khóc thỉnh Phật lưu lại thế-gian. Đức Phật lấy lời an-ủi như bao kẻ khác.

Tiếp đó, ông thỉnh Phật cùng chúng Tăng ngày mai hoan-hỷ tới nhà Ông dùng cơm. Đức Phật im lặng. Sau bữa cơm, Đức Phật bảo ông Thuần-Đà:

«Nay Ông đã làm được việc phúc hiem có là cũng dằng Phật, chúng Tăng lần cuối cùng. Phúc báo ấy không bao giờ hết được. Mọi phúc báo của chúng-sinh, không thể so-sánh với phúc-báo của Ông. Ông nên khởi tâm vui mừng. Đây là lần cuối cùng ta nhận lời thỉnh của Ông!»

(Theo kinh Đại-niết-Bàn)

NỮ ĐẠO-HỮU MARGUERITE LA FUENTE ĐÃ VIÊN-TỊCH.

Hội Phật-giáo Pháp và luôn cả hội các người bạn Phật-tử thế-giới vừa bất ngờ được tin : Đạo-hữu Marguerite La Fuente, tác-giả và dịch-giả nhiều sách nói về đạo Phật đã viên-tịch tại Ba-Lê ngày 7 tháng 6 năm 1958.

Bà La Fuente sinh tại Saint-Germain-en-Laye ngày 23 tháng tư năm 1887. Bà thuộc giòng dõi một gia-dình quý phái Tây-ban-Nha từng đến lập-nghiệp ở Franche-Comté từ thời vua Louis XIV.

Thân-phụ Bà là một nhà bách-khoa. Thân-mẫu Bà gốc gác ở Pháp. Lúc nhỏ, Bà theo cha sang Constantinople. Bà trở về Pháp lúc Bà lên 12 tuổi. Kịp xảy ra đại chiến 1914-1918, Bà nhập đội cứu thương. Ít lâu sau, Bà đứng ra lập một hiệu sách mục-dịch giúp đỡ các văn-hữu trẻ và các nghệ-sĩ có chỗ tiến thân, nhưng công việc làm bị lỗi lã, Năm 1929, Bà gia-nhập hội «Các người bạn đạo Phật» do Thái-Hư Pháp-sư và đệ-tử của Ngài là cô Lounsberry xây-dựng. Từ đó, bắt đầu một cuộc sống mới : Bà La Fuente cặm cụi phụng-sự cho đạo. Bà dịch nhiều sách Phật và viết bài đăng ở tạp-chí «La pensée bouddhique». Cho đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời Bà, người ta cũng chỉ thấy quanh Bà ngồn ngang những sách nói về đạo Phật, đó là những người bạn cao cả nhất trong cuộc đời tươi đẹp của Bà.

Bây ngày sau khi Bà viên-tịch, ban nghi lễ có tổ chức một buổi lễ cầu nguyện. Hình-thức buổi lễ tuy đơn giản nhưng không khí vô cùng trang nghiêm. Bốn vị đại-dức Cao-Miên và Thái-Lan đến tham-dự buổi lễ. Ngoài ra, các nước Phật-giáo Á-Châu đều có cử đại-diện đến. Ông U Ba Yi tông-sự tòa lãnh-sự Miến, ông Poe Thieun, thuộc tòa đại-sứ Cao-Miên, Hoàng-tử Norindeth, ông Gunasekera, Bộ-trưởng Tích-Lan cùng đoàn tùy tùng, ông Pendsay, đại-sứ Ấn-Độ, ông Enthri Bijayendrayodhin, đại-sứ Tích-Lan..., và nhiều đại-diện các nước khác.

Trong dịp này, bác-sĩ Rahula, vị đại-dức từng cộng-tác với Bà La Fuente trong việc dịch thuật các kinh sách, có đọc một bài diễn văn ngắn ca tụng bộ óc xuất chúng của Bà La Fuente. Diễn giả kể lại rằng, một ngày trước ngày Bà viên-tịch, ở ngay giường Bà, Bà vẫn còn tiếp tục dịch các kinh sách. Lúc Ngài vào hỏi thăm sức khỏe của Bà, Bà còn dặn Ngài đem bản chính bằng chữ Phạn để soát lại bản dịch của Bà.

Bà hội-trưởng Phật-giáo Pháp, bằng những lời cảm động đã cho biết suốt 25 năm cộng sự trong hội «Các người bạn đạo Phật», Bà La Fuente, trong hành động ngoài đời cũng như ở tư-tưởng, Bà đã theo đúng con đường của đạo Phật.

Mất Bà La Fuente, Phật-giáo Pháp mất một hội viên đặc-lực, thế-giới Phật-giáo mất một nhân-tài trong việc phổ-biến và truyền-bá giáo-lý đạo Phật ở Tây-Âu.



TIN TỨC

Ngày lễ Phật-đản năm nay ở các nước được tổ-chức rất long trọng. Ở Luân-Đôn, đại-sứ Miến-Điện là ông U. Aung Soe cho treo cờ Phật-giáo mở màn cho ngày lễ kéo dài suốt ba ngày, đánh dấu một bước mới trong lịch-sử Phật-giáo ở Tây-phương. Đại-đức Sayadaw U Thittila Aggamahapandita, một nhân vật có công rất nhiều cho nền Phật-giáo ở Anh suốt 14 năm nay trong dịp này có kể lại đời sống của đức Phật và nêu rõ con đường giải-thoát chúng-sinh của đức Thế-Tôn. Ông Ganasena de Soysa, cao-ủy nước Tích-Lan cảm tạ sự hiện diện của các đại-sứ Miến-Điện, Thái-Lan, Cao-Miên, Ai-Lao trong ngày lễ này, đồng thời ông cũng nhấn mạnh giáo-lý đạo Phật được xem như một yếu-tố của nền hòa-bình cho nhân-loại.

Lễ Phật đản lần thứ sáu ở Hoa-thịnh-đốn tổ-chức được thành công mỹ mãn. Người ta nghĩ rằng đây là lần đầu tiên giáo-lý Phương Đông ăn nhịp với tâm hồn khoa-học của Tây Phương. Đưa bức tượng Phật lên, bác-sĩ Leidecker giải thích việc đem tặng phẩm này có ý nghĩa là Phật-giáo Thái-Lan hy-vọng một mối tình thân thiện giữa dân tộc Thái-Lan và các dân tộc Mỹ-châu.

Chương trình dự định xây cất một tịnh xá đã được các đại-sứ các nước Phật-giáo bàn luận ráo riết ở tòa đại sứ Miến-điện và Tích-lan.

10 nước theo đạo Phật ở Á-châu bỏ ra một số tiền là 3.000.000 đồng : Miến-điện, Cao-miên, Tích-lan, Ấn-độ, Ai-lao, Thái-lan, Việt-nam, Đại-hàn, Đài-loan và Nhật-bản... Các nước này đã có một số 500.000.000 tín-đồ Phật-giáo.

Những người bạn Phật-lữ Mỹ có tên trong việc xây cất tịnh xá như giáo-sư Kurt F. Leidecker, giáo-sư đại-học-đường Virginie, đại tá Seaborne thuộc quân đội Mỹ, ông William Schlecht, chủ tịch hội các người bạn đạo Phật.

Phật-giáo Thái-lan đã đem tặng một bức tượng Phật và bức tượng này đã được đem trưng bày trong ngày lễ Phật-đản ở Hoa-thịnh-đốn.

Lễ Phật-đản ở Ba-lê năm nay cũng cử hành suốt hai ngày liền. Cũng như mấy năm trước, đại sứ Thái-lan ở Ba-lê đứng ra tổ-chức buổi lễ. Trên bàn thờ ngự bức tượng Phật bằng đá, một tác phẩm nghệ-thuật của Cao-miên.

Xung quanh bức tượng được kết vô số hoa trắng đưa ra hình ảnh của sự hòa-bình toàn thịnh. Hai vị đại-đức danh tiếng có mặt trong buổi lễ : Đại-đức Bra Gru Sanghasattha Phonn Sompheach Dhammarama từ Cao-miên mới đến Ba-lê, đại-đức Rahula từng có mặt 7 năm ở Ba-lê, đại-sứ Thái-lan, đại-sứ Tích-lan mới đến nhậm chức ở Ba-lê, sứ vụ ngoại giao Cao-miên, giáo-sư Jean Filliozat... Ngoài nghi-thức thường lệ, đặc biệt trong ngày lễ Phật-đản năm nay có chiếu nhiều phim nói về đạo Phật rất có ích cho việc truyền-bá. Khán-giả được xem quang-cảnh các ngày lễ Phật ở Thái-lan, cuộc hành hương ở Tích-lan, ngắm nhiều cảnh lạ trong phim Ấn-độ nói về đức Phật.

Đại-hội lịch-sử Tôn-giáo thế-giới năm nay vừa rồi được cử hành long-trọng tại công hội Sankei Hall ở Đông-Kinh (Nhật-Bản) trong gần hai tuần từ 27-8 đến 9-9 1958.

Đây là một hội-nghị đề trao đổi kiến-thức, tư tưởng và học thuật về các tôn-giáo trên thế-giới với một mục-dịch là tăng cường sự hiểu biết cùng thắt chặt tình bang-giao thân hữu của các tôn-giáo trên thế-giới mà không phải là một hội-nghị chính-trị vì vậy vấn-đề chính-trị không đề-cập đến.

Có nhiều nhà học-giả trứ danh các tôn-giáo thuần-túy đến tham-dự. Kề ra có gần 200 đại-biểu các tôn-giáo trong gần 30 nước đến tham-dự, chưa kể hơn 500 đại-biểu các tôn-giáo ở Nhật-Bản. Trong số đại-biểu đến tham-dự có đại-biểu Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Hòa-Lan, Ý, Ấn-Độ, Hôi-Quốc, Tích-Lan, Phi-Luật-Tân, Nam-Dương, Trung-Hoa, Nhật-Bản và Việt-Nam v. v..

Thượng-tọa Visiddhananda, Hội-trưởng Phật-Giáo Hôi-Quốc cho biết rằng Chính-phủ Hôi-Quốc cấp 30.000 ru-pi mỗi năm để khuyến khích nền giáo-dục Phật-tử Hôi-Quốc.

Chính-phủ Đông-Hôi cũng có trợ-cấp một số tiền trên 30.000 ru-pi với mục-dịch trên.

Trong một cuộc viếng thăm Bồ-Đề Đạo-Tràng, Thủ-tướng Miến-Điện là ô. Unu đã tuyên-bố sở-dĩ Bồ-Đề Đạo-Tràng ngày nay



được mở mang là nhờ sự cố-gắng của Ấn-Độ. Thủ-tướng Unu đã biểu cho ủy-ban trùng-tu Bồ-Đề Đạo-Tràng một số tiền 10.000 ru-pi. Tổng cộng số tiền ông ủng-hộ để khuyến-trương Bồ-Đề Đạo-Tràng đến nay là 30.000 ru-pi (khoảng 300.000 đồng Việt-Nam).

3 giờ chiều ngày chủ-nhật 5-10-58, Giáo-Hội Tăng-Già Nam-Việt đã mở lại lớp Phật-học Phổ-thông tại Phật-học-đường Nam-Việt chùa Ấn-Quang 243 đường Sư-vạn-Hạnh Chợ-Lớn do hai thầy giảng-sư Thích-Huyền-Vi, Thích-Thiền-Định phụ-trách.

Và cũng vào 7 giờ tối hôm ấy, Thượng-tọa Thích-Thiện-Hoa đã giảng tiếp kinh Viên-Giác và Nhân-minh Luận.

Hưởng-ứng công cuộc xã-hội, Thượng-tọa Trí-Dũng chùa Phổ-Quang Bắc-Việt nghĩa-trang thành lập ban xã-hội để giúp đỡ đồng bào nghèo có thân nhân quá cố, Ban xã-hội chùa Phổ-Quang sẽ giúp xe tang quan-tài và vải liệm và đất chôn.

Chiều phiên họp ngày 4 tháng 9 năm 1958, dưới quyền chủ-tọa của Hòa-thượng Pháp-chủ G.H.T.G.T.P đã quyết-định tổ-chức Tổng hội-đồng lần thứ III vào ngày 26-27-28 tháng 8 năm Mậu-Tuất tức 8-9-10 tháng 10 năm 1958, tại trụ-sở Giáo-Hội Tăng-Già Trung-Phần, chùa Linh-Quang Huế.

Thành phần Tổng hội-đồng gồm có : liệt vị Trưởng-lão Hòa-thượng, quý vị Thượng-tọa và 30 vị do ban Trị-sự các tỉnh đề cử cùng một số chư Tăng do Tổng Trị-sự mời tham-dự.

8 giờ sáng ngày 14 tháng 10 năm 1958, đã có buổi chiếu bóng đặc biệt do chùa Tăng-Già tổ-chức tại rạp Đại-Nam, đường Trần-Hưng-Đạo — Sài-Gòn. Buổi chiếu bóng này có mục-dịch xây dựng «Phật-Học Ni Trường Tăng-Già», chùa Tăng-Già Vĩnh-Hội Sài-Gòn. Phim được đem chiếu là phim Trần-Huyền-Trang đi tu (hay Tam-Tạng xuất-gia), một phim luân-lý đề cao luật nhân quả Đạo Phật. Người làm lành được Phật độ, kẻ làm dữ phải đến tội.



Giải đáp cuộc thi giải trí số 22

Câu thứ nhất : 1/ Vua Lý-thái-Tồ, lúc Lý-công-Uần đã xuất thân từ nhà chùa ra làm vua.

2/ Vua Trần-Nhân-Tôn đã rời ngôi vua mà xuất-gia và đã lập nên phái «Trúc-lâm-yên-tử».

Câu thứ hai : 1/ Chùa Từ-Đàm được thành lập năm 1683 tây-lịch, do Ngài Minh-Hoàng Từ-Dung xây cất.

2/ Chùa đã chứng kiến một sự việc rất quan-trọng trong lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam là Đại-hội của 51 đại-biêu Phật-giáo của sáu tập đoàn Trung Nam Bắc vào năm 1951 để thống-nhất nền Phật-giáo Việt-Nam.

Câu thứ ba : Có 11 người đáp trúng.

KẾT-QUẢ

Nhất : Trần-văn-Ninh, pháp-danh Nguyên-Tĩnh, sở Hòa-xa Qui-Nhơn.

Nhì : Nguyễn-minh-Hoàng 27 K Nguyễn-an-Ninh Gia-định.

Ba : Huỳnh-Bá Yết-Dương 279/6 Phan - đình - Phùng Đà-Lạt

Tư : Nguyễn-nhu-Danh, 3 Lê-Huân thành nội Huế.

Năm : Nguyễn-phương-Hạnh, nữ sinh, 37 đại-lộ Hùng-Vương Mỹ-Tho.

Tặng thưởng sẽ được gửi ngay đến quý vị trúng giải.

P. G. V. N.



ĐỀ THI GIẢI TRÍ SỐ 24

1/ Vì những nguyên-nhân gì, Phật-giáo Việt-Nam chưa được thực-sự thống-nhất ?

2/ Hãy đề-nghị những phương-pháp đề-bồ-cứu tình-trạng nói trên.

HỘP THƯ TÒA-SOẠN

— Ô. Đặng-quốc-Toàn. (K.B.C. 4093) 1/. Gửi bài tô-diềm P.G.V.N. xin ông cứ gửi về địa-chỉ : 243 Sur-vạn-Hạnh Cholon.

2/. Tờ báo không còn trang đề đăng mục ấy. Xin ông gửi cho những mẫu sưu-tầm có thể đem lại ít nhiều bổ ích cho người đọc.

3/. Tòa-soạn vẫn chú-ý đến điều ấy. Ông yên tâm.

— Em Văn-Hoa (Mỹ-tho). Cũng như các tập san khác, Tòa-soạn vẫn luôn luôn nghĩ đến việc nâng-dỡ độc-giả yêu văn-nghệ muốn gửi sáng-tác về Tòa-soạn.

— Cô Hoàng-thị-Huyền (Bến-tre). Hoan-hỷ nhận được những lời khuyến-khích của cô. P.G.V.N. vẫn cố-gắng đề tờ báo mỗi ngày mỗi tiến hơn.

— Ông Nguyễn-hữu-Vân (Hà-tiên) Tòa-soạn đã nghĩ đến đề-nghị của ông từ lâu. Nếu tiện sẽ có cuộc trung-cầu ý-kiến bạn đọc về diềm ấy.- Cám-ơn ông.

— Giáo-sư Văn - Hoàng (Saigon) Cám ơn những lời khuyến-khích chân-thành của ông. Ngoài phần nội-dung bài vở, Tòa-soạn vẫn đặt vấn-đề ấy là quan - hệ. Chúng tôi còn mong muốn những số báo tới được hoàn mỹ thêm hơn, vì chúng tôi quan-niệm ngoài phần nội-dung về bài vở, phần chính tả trên các trang báo cũng phải được Tòa-soạn lưu tâm đến.

Một số độc-giả : Thầy Minh-Hạnh vẫn còn là chủ bút của P.G.V.N. sức khỏe của thầy có phần khá hơn trước. Thầy có lời cảm tạ các đạo-hữu đã có lời vấn an sức khỏe của thầy.

Đạo-hữu Tâm-Hỷ : Muốn gặp đạo-hữu. Xin liên-lạc với thầy Từ-Mấn ở ngay tòa-soạn. M.H.

Ông Hoàng-Quang-Doãn : Trả tiền báo, ông có thể trả bằng tem cũng được. Lệ mua báo, xin trả tiền trước. Ông cứ gửi số tiền đó về Ty Quản-lý.

Ông Minh-Từ : Chúng tôi còn đợi P.G.V.N. số 24 xong, gửi ông luôn thề. Xin đợi cho.

Ông Nguyễn-Ẩn (Quảng-Trị) : Lệ mua báo có ghi trong mỗi tập báo. Xin ông chịu phiền xem lại. Chào ông.

Đạo-hữu Tâm-Hiền và Minh-Quang : Những bài «Nhận-Định và Nhận-Định», «Phương-pháp học Phật»... chúng tôi rất tiếc không thể đăng được vì Phật-Giáo V.N, không phải là nơi tranh luận.

Ông Hiền-Đức : «Gót bước Huyền-Trang» sẽ đăng vào số tới. Hoan nghênh.

Thầy Thích-Tâm-Thọ : Sẽ đăng.- Xin Thầy đón đọc ở số tới.

Các bạn : Trần-Công-Lý, và Lê-Thiện-Tuế : Đã nhận được tác-phẩm của các bạn. Đang xem.

Đạo-hữu Trần-Hữu-Nhơn : Đã nhận được thư của đạo-hữu.

« Người bố-thí được phúc,
« Người từ tâm không oán ;
« Người làm thiện khỏi ác,
« Người ly-dục không náo.
« Nếu làm hạnh như thế,
« Không lâu chứng Niết-bàn. »

Đó là bài kệ do đức Thế-Tôn nói với ông Thuần-Đà trước khi Ngài nhập diệt.



Nghị-định số 2009/P3 ngày 1-8-1956.

Tòa-Soạn và Quản-Lý:

Chùa Ân - Quang

243, Đường Vạn-Hạnh Thiền-Sư

CHOLON

GIÁ BẢO

Mỗi số	10đ00
Sáu tháng	55đ00
Một năm	110đ00

Ấn loát tại Nhà In SEN - VÀNG 243, Đường Sư Vạn - Hạnh - CHOLON.

